SAO Y; TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT; 30/09/2026; 09:07:29; +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ **TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT** Số: 210/TB-PTQĐ	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *Quảng Trị, ngày 29 tháng 9 năm 2026*

THÔNG BÁO

Về việc niêm yết công khai phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để GPMB thực hiện dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh hệ thống kho bãi tại Cửa khẩu quốc tế Cha Lo - tỉnh Quảng Trị

Thực hiện Thông báo số 47/TB-UBND ngày 29/6/2026 của UBND xã Dân Hoá về Thu hồi đất để thực hiện dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh hệ thống kho bãi tại Cửa khẩu quốc tế Cha Lo - tỉnh Quảng Trị.

Trung tâm Phát triển Quỹ đất đã phối hợp với các thành phần có liên quan tiến hành kiểm kê tài sản trong phạm vi thông báo thu hồi đất của các tổ chức bị ảnh hưởng, lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để giải phóng mặt bằng theo đúng quy định.

Căn cứ Điểm b, Khoản 9, Điều 3, Nghị quyết 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội, Trung tâm Phát triển quỹ đất phối hợp với UBND xã Dân Hoá, Ban quản lý Khu Kinh tế tỉnh Quảng Trị tiến hành niêm yết công khai phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định.

1. Địa điểm niêm yết công khai:

+ Trụ sở UBND xã Dân Hoá;

+ Nhà Văn hóa bản Cha Lo, xã Dân Hoá;

+ Ban quản lý Khu Kinh tế tỉnh Quảng Trị (Tổ chức bị ảnh hưởng).

2.Thời gian niêm yết công khai phương án: 10 ngày.

(Từ ngày 29/9/2026 đến hết ngày 09/10/2026).

Kính đề nghị UBND xã Dân Hoá đăng tải Thông báo trên Cổng thông tin điện tử theo quy định.

Kính đề nghị Ban quản lý Khu Kinh tế tỉnh Quảng Trị rà soát, đối chiếu phương án công khai và có ý kiến cụ thể về các nội dung sau:

- Về hồ sơ pháp lý: Đối chiếu các quyết định giao đất, GCN QSDĐ được cấp, thời hạn sử dụng đất, thời điểm hoàn công đưa tài sản vào sử dụng; hồ sơ hoàn công và hồ sơ quyết toán đã được phê duyệt trước đây.

- Về khối lượng, đơn giá: Đối chiếu khối lượng tài sản trong phương án, khối lượng trong biên bản kiểm kê và khối lượng trong hồ sơ quyết toán; Đơn giá và các chi phí trong dự toán kèm theo./.

Nội dung ý kiến được ghi vào phiếu ý kiến về phương án (Có mẫu kèm theo) và chuyển về Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Quảng Trị tổng hợp, kiểm tra và giải đáp (Chậm nhất trước ngày 07/10/2026).

Trung tâm Phát triển quỹ đất thông báo cho các tổ chức liên quan được biết để tổ chức thực hiện./.

Nơi nhận:
- UBND xã Dân Hoá;
- Trưởng bản Cha Lo, xã Dân Hoá;
- BQL KKT tỉnh;
- PGĐ PT, PGĐ (Đ/c Minh);
- Lưu: VT, GĐ&DV.

KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT

Hoàng Anh Tuấn

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ
TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHƯƠNG ÁN DỰ KIẾN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ

Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh hệ thống kho bãi tại Cửa khẩu quốc tế Cha Lo - tỉnh Quảng Trị

(Kèm theo Thông báo số: 210/TB-PTQĐ ngày 29 tháng 9 năm 2026)

I. CÁC CĂN CỨ CHUNG:

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18/01/2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; Quyết định số 2418/QĐ-BNNMT ngày 28/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc đính chính Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội Quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội Quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/03/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;

Căn cứ Nghị Quyết số 226/NQ-HĐND ngày 11/12/2024 của HĐND tỉnh Quảng Bình về việc Thông qua danh mục công trình, dự án thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất năm 2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Bình;

Căn cứ Quy hoạch chi tiết xây dựng Khu trung tâm Cửa khẩu quốc tế Cha Lo, tỷ lệ 1/500 được UBND phê duyệt tại Quyết định số 3770/QĐ-UBND ngày 25/12/2014 và được điều chỉnh tại Quyết định số 4501/QĐ-UBND ngày 25/11/2019 về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chi tiết cục bộ 03 khu vực; Quyết định số 2865/QĐ-UBND ngày 24/7/2019 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh quy hoạch chi tiết lô đất ký hiệu BX1 và VS1 thuộc đồ án Điều chỉnh, mở rộng Quy hoạch chi tiết xây dựng khu trung tâm Cửa khẩu quốc tế Cha Lo tỷ lệ 1/500; Quyết định số 741/QĐ-KKT ngày 11/6/2024;

Căn cứ Quyết định số 660/QĐ-KKT ngày 14/5/2025 của Ban Quản lý Khu kinh tế về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ một số chức năng của Quy hoạch chi tiết Khu trung tâm Cửa khẩu quốc tế Cha Lo, tỷ lệ 1/500; Công văn số 1100/KKT-QHXD ngày 22/4/2026 của Ban quản lý Khu Kinh tế tỉnh Quảng Trị về việc chấp thuận Điều chỉnh quy hoạch tổng mặt bằng các lô đất thuộc dự án: Đầu tư Đầu tư xây dựng và kinh doanh hệ thống kho bãi tại Cửa khẩu quốc tế Cha Lo - tỉnh Quảng Trị;

Căn cứ Quyết định số 2543/QĐ-UBND ngày 27/6/2025 của Uỷ ban nhân dân tỉnh phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Minh Hoá;

Căn cứ Quyết định số 498/QĐ-KKT ngày 19/8/2025 của Ban quản lý Khu Kinh tế Chấp thuận chủ trương đầu tư dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh hệ thống kho bãi tại Cửa khẩu quốc tế Cha Lo - tỉnh Quảng Trị;

Căn cứ Nghị quyết số 87/NQ-HĐND ngày 03/2/2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Thông qua hạng mục công trình, dự án thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;

Căn cứ Thống kê kết quả chỉnh lý địa chính phục vụ thu hồi đất dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh hệ thống kho bãi tại Cửa khẩu quốc tế Cha Lo - tỉnh Quảng Trị do Trung tâm Phát triển quỹ đất lập ngày 27/4/2026, được Sở Nông nghiệp và Môi trường ký duyệt ngày 25 tháng 5 năm 2026;

Căn cứ Thông báo số 47/TB-UBND ngày 29/6/2026 của UBND xã Dân Hoá về Thu hồi đất để thực hiện dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh hệ thống kho bãi tại Cửa khẩu quốc tế Cha Lo - tỉnh Quảng Trị;

Căn cứ Hồ sơ dự toán do công ty TNHH XD-TM An Nguyên lập, đã được Công ty TNHH TVXD Phúc Nhân thẩm tra tại Báo cáo số 28/BC-PN ngày 16/9/2026 Báo cáo kết quả thẩm tra dự toán xây dựng công trình;

Căn cứ Biên bản làm việc ngày 29/7/2026 giữa Ban quản lý Khu Kinh tế tỉnh Quảng Trị và các đơn vị có liên quan về việc GPMB dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh hệ thống kho bãi tại Cửa khẩu quốc tế Cha Lo tại xã Dân Hoá, tỉnh Quảng Trị;

Căn cứ hồ sơ thanh, quyết toán dự án, hồ sơ về quyền sử dụng đất và các hồ sơ khác liên quan do Ban quản lý Khu Kinh tế tỉnh Quảng Trị cung cấp;

Căn cứ Biên bản kiểm kê khối lượng tài sản thực tế bị ảnh hưởng.

II. NỘI DUNG:

1. Tổng diện tích đất thu hồi: **67.608,0 m^2**

2. Tổng số tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có đất thu hồi: 02 tổ chức (UBND xã Dân Hóa, BQL Khu kinh tế tỉnh Quảng Trị)

3. Phương án đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Không

4. Phương án bố trí tái định cư: Không

5. Phương án di dời mồ mả trong phạm vi đất thu hồi: Không

6. Phương án di chuyển các công trình hạ tầng trong phạm vi đất thu hồi: Không.

7. Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư: **90.866.225.000 đồng; Trong đó:**

Bồi thường về đất: **0 đồng**

Bồi thường tài sản trên đất: **90.357.151.000 đồng**

Các khoản hỗ trợ: **0 đồng**

Chi phí bảo đảm cho việc tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, bao gồm: **509.074.000 đồng**

Chi phí lập bản vẽ **196.397.000 đồng**

Chi phí lập dự toán **206.869.000 đồng**

Chi phí thẩm tra dự toán **105.807.552 đồng**

8. Tiến độ thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư:

- Thời gian bàn giao mặt bằng: Trong thời gian 20 ngày kể từ ngày Trung tâm Phát triển quỹ đất thông báo chi trả tiền lần đầu.

9. Các nội dung khác liên quan đến bồi thường, hỗ trợ, tái định cư: Không.

10. Nguồn kinh phí thực hiện: Vốn huy động của nhà đầu tư.

11. Đối tượng được thưởng: Các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân chấp hành tốt chủ trương, chính sách bồi thường GPMB, nhận tiền và bàn giao mặt bằng trước hoặc đúng thời hạn trong thời gian 20 ngày kể từ ngày chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ lần đầu của Trung tâm Phát triển quỹ đất.

III. PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ CHI TIẾT:

(ĐVT: Việt Nam đồng)

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Mức tính (%)	Thành tiền (đồng) *(Làm tròn số)*			Tổng cộng (đồng)
						Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ	
*	**TỔNG GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ**					**0**	**90.357.151.000**	**0**	**90.357.151.000**
1	**Tổ chức bị ảnh hưởng: Ban quản lý Khu Kinh tế tỉnh Quảng Trị** Địa chỉ trụ sở: phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị					**0**	**90.357.151.000**	**0**	**90.357.151.000**
A	***Bồi thường về đất***								
-	*Đất được Nhà nước giao không thu tiền sử dụng đất vì vậy không được bồi thường về đất theo quy định tại Khoản 1, Điều 101 và Điểm a, Khoản 1, Điều 107, Luật Đất đai năm 2024*								
B	***Bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại và bồi thường tài sản trên đất (B = B.1+B.2)***						***90.357.151.000***		
B.1	**Bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại** *(Căn cứ quy đinh tại khoản 2, Điều 107 của Luật Đất đai; Khoản 2, 3, 4, Điều 17 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP)*					**0**	**22.133.667.000**	**0**	
-	Chi phí đầu tư vào đất còn lại bao gồm: Chi phí xây dựng, chi phí tư vấn đầu tư xây dựng, chi phí khác (Chi tiết theo dự toán do công ty TNHH XD-TM An Nguyên lập, đã được Công ty TNHH TVXD Phúc Nhân thẩm tra)								
1	***Bãi 1 - Bãi đỗ xe nhập dọc Quốc lộ 12A, bao gồm các hạng mục:*** *+ Hạng mục 1.1: Kè suối QL12A - đoạn từ bãi đỗ xe đến cột mốc biên giới* *+ Hạng mục 1.2: Hạ tầng khu phi thuế quan và các điểm dịch vụ Khu kinh tế cửa khẩu Cha Lo (GĐ 1)* *+ Hạng mục 1.4: Hạ tầng Khu phi thuế quan và các điểm dịch vụ Khu kinh tế cửa khẩu Cha Lo (GĐ 2)*					**0**	**10.200.523.000**	**0**	
1.1	***Hạng mục 1.1: Kè suối QL12A - đoạn từ bãi đỗ xe đến cột mốc biên giới***								

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Mức tính (%)	Thành tiền (đồng) *(Làm tròn số)*			Tổng cộng (đồng)
						Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ	
	- Nguồn gốc sử dụng đất: Đất được UBND tỉnh Quảng Bình giao đất không thu tiền sử dụng đất theo Quyết định số 2597/QĐ-UBND ngày 24/10/2013 về việc thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng và giao đất cho Ban quản lý Khu kinh tế xây dựng Kè suối Quốc lộ 12A - Đoạn từ bãi đỗ xe đến cột mốc biên giới tại xã Dân Hóa, huyện Minh Hóa. **- Thời hạn sử dụng đất:** Lâu dài, áp dụng thời hạn tối đa 70 năm từ năm 2013 - năm 2083 (Căn cứ điểm c, khoản 1, Điều 172 Luật Đất đai 2024; khoản 1, Điều 31, Luật Đầu tư 2025) **- Thời gian hoàn công đưa vào sử dụng:** 30/12/2013.								
-	**Các hạng mục tài sản bị ảnh hưởng, bao gồm:**								
	Gói thầu số 1: Xây lắp kè đoạn từ đầu tuyến đến Km0+251 đi qua khu TT cửa khẩu Cha Lo.								
+	Đào nền đất cấp II	m3	276,86						
+	Đào hữu cơ	m3	720,22						
+	Đánh cấp đất cấp II	m3	787,70						
+	Đắp đất nền K>=0,95	m3	28.556,74						
+	Phát rừng tạo mặt bằng	m2	1.908,53						
+	Gói thầu số 2: Xây lắp kè đoạn từ Km0+251 đến Km0+294 và san nền trong phạm vi mặt bằng đã được xây kè.								
+	Đào nền đất cấp II	m3	320,70						
+	Đào hữu cơ	m3	170,30						
+	Đánh cấp đất cấp 2	m3	26,00						
+	Đắp đất nền K>=0,95	m3	4.918,00						

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Mức tính (%)	Thành tiền (đồng) *(Làm tròn số)*			Tổng cộng (đồng)
						Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ	
	Bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại xác định như sau: $P = \frac{P1 + P2 + P3 + P4}{T1} \times T2$ Trong đó: P: Chi phí đầu tư vào đất còn lại; P1: Chi phí san lấp mặt bằng; P2: Chi phí cải tạo làm tăng độ màu mỡ của đất, thau chua rửa mặn, chống xói mòn, xâm thực đối với đất sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp; P3: Chi phí gia cố khả năng chịu lực chống rung, sụt lún đất đối với đất làm mặt bằng sản xuất, kinh doanh; P4: Chi phí khác có liên quan đã đầu tư vào đất phù hợp với mục đích sử dụng đất; Các chi phí được xác định trên cơ sở hồ sơ do người có đất thu hồi cung cấp. T1: Thời hạn sử dụng đất; T2: Thời hạn sử dụng đất còn lại. Đối với trường hợp thời điểm đầu tư vào đất sau thời điểm được Nhà nước giao đất, cho thuê đất thì thời hạn sử dụng đất (T1) được tính từ thời điểm đầu tư vào đất.								
+	Bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại tại hạng mục 1.1, tổng chi phí đã đầu tư là 2.773.208.000 đồng, cụ thể như sau: T1=70 năm; T2=2083-2026=57 năm)	P=(2.773.208.000 đồng x 57)/70		100%		2.258.184.000		(Làm tròn số)	
1.2	***Hạng mục 1.2: Hạ tầng khu phi thuế quan và các điểm dịch vụ Khu kinh tế cửa khẩu Cha Lo (GĐ 1)***								
	- Nguồn gốc sử dụng đất: Đất được UBND tỉnh Quảng Bình giao đất không thu tiền sử dụng đất theo Quyết định số 368/QĐ-UBND ngày 15/02/2016 về việc thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng và giao đất cho Ban quản lý Khu kinh tế xây dựng công trình Hạ tầng khu phi thuế quan và các điểm dịch vụ Khu kinh tế cửa khẩu Cha Lo - Giai đoạn I tại xã Dân Hóa, huyện Minh Hóa. **- Thời hạn sử dụng đất:** Lâu dài, áp dụng thời hạn 69 năm từ năm 2017 - năm 2086 (Căn cứ điểm c, khoản 1, Điều 172 Luật Đất đai 2024; khoản 1, Điều 31, Luật Đầu tư 2025; Khoản 4, Điều 17 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP) **- Thời gian hoàn công đưa vào sử dụng:** 14/03/2017.								
-	**Các hạng mục tài sản bị ảnh hưởng, bao gồm:**								
	Gói thầu số 1: Xây dựng bãi kho ngoại quan trung chuyển và bãi nhập dọc Quốc lộ 12A.								
+	Đào khuôn mặt bãi đất C3	m3	6.261,10						
+	Cây xới lu lên đạt K>0.98 bằng máy đầm 16T	m3	3.657,95						

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Mức tính (%)	Thành tiền (đồng) *(Làm tròn số)*			Tổng cộng (đồng)
						Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ	
	Bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại xác định như sau: $P = \frac{P1 + P2 + P3 + P4}{T1} \times T2$	Căn cứ quy đinh tại khoản 2, Điều 107 của Luật Đất đai; Khoản 2, 3, 4, Điều 17 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP							
+	Bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại tại hạng mục 1.2, tổng chi phí đã đầu tư là 3.818.167.000 đồng, cụ thể như sau: T1=69 năm; T2=2086-2026=60 năm)	P=(3.818.167.000 đồng x 60)/69			100%		3.320.145.000		(Làm tròn số)
1.3	***Hạng mục 1.4: Hạ tầng Khu phi thuế quan và các điểm dịch vụ Khu kinh tế cửa khẩu Cha Lo (GĐ 2)***								
	- Nguồn gốc sử dụng đất: Đất được UBND tỉnh Quảng Bình giao đất không thu tiền sử dụng đất theo Quyết định số 368/QĐ-UBND ngày 15/02/2016 về việc thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng và giao đất cho Ban quản lý Khu kinh tế xây dựng công trình Hạ tầng khu phi thuế quan và các điểm dịch vụ Khu kinh tế cửa khẩu Cha Lo - Giai đoạn I tại xã Dân Hóa, huyện Minh Hóa. **- Thời hạn sử dụng đất:** Lâu dài, áp dụng thời hạn 64 năm từ năm 2022 - năm 2086 (Căn cứ điểm c, khoản 1, Điều 172 Luật Đất đai 2024; khoản 1, Điều 31, Luật Đầu tư 2025; Khoản 4, Điều 17 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP) **- Thời gian hoàn công đưa vào sử dụng:** 27/12/2022.								
-	**Các hạng mục tài sản bị ảnh hưởng, bao gồm:**								
	Gói thầu số 8: Xây dựng các hạng mục bổ sung thuộc khu phi thuế quan, kè bến xe, nhà vệ sinh công cộng và Kè bãi đỗ xe Cột Mốc biên giới (Bao gồm chi phí hạng mục chung và dự phòng)								
+	Đào khuôn tạo mặt bằng đất cấp III	100m3	212,32						
+	Đào hửu cơ đất cấp I	100m3	3,56						
+	Lu tăng cường mặt bằng, K>=0.9	100m3	38,75						
+	Đắp đất mặt bằng K>=0,9	100m3	41,63						
+	Đắp đất mặt bằng K>=0,95	100m3	117,55						
+	Đắp đất mặt bằng K>=0,98	100m3	73,47						
+	Phá đá mặt bằng đất cấp IV	100m3	3,42						

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Mức tính (%)	Thành tiền (đồng) *(Làm tròn số)*			Tổng cộng (đồng)
						Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ	
	Bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại xác định như sau: $P = \frac{P1 + P2 + P3 + P4}{T1} \times T2$	Căn cứ quy đinh tại khoản 2, Điều 107 của Luật Đất đai; Khoản 2, 3, 4, Điều 17 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP							
+	Bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại tại hạng mục 1.4, tổng chi phí đã đầu tư là 4.930.340.000 đồng, cụ thể như sau: T1=64 năm; T2=2086-2026=60 năm)	P=(4.930.340.000 đồng x 60)/64			100%		4.622.194.000		(Làm tròn số)
2	***Bãi 2 - Bãi kiểm hóa phía nhập khẩu, bao gồm các hạng mục:*** *+ Hạng mục 2.1: Khu vực bãi đổ xe và kho bãi tập kết hàng hóa phía nhập khẩu* *+ Hạng mục 2.2: Bải Kiểm hóa cửa khẩu Quốc tế Cha Lo* *+ Hạng mục 2.3: Bãi đổ xe nhập cảnh tại khu trung tâm cửa khẩu Quốc tế Cha Lo (GĐ1)* *+ Hạng mục 2.4: Bãi đỗ xe nhập cảnh tại khu trung tâm cửa khẩu Quốc tế Cha Lo (GĐ1)* *+ Hạng mục 2.5: Sửa chữa hạ tầng kỹ thuật hệ thống hàng rào tại khu kinh tế cửa khẩu Cha Lo* *+ Hạng mục 2.6: San lấp mặt bằng khu vực nhà Liên ngành và Quốc môn Khu kinh tế cửa khẩu Cha Lo* *+ Hạng mục 2.7: Cây xanh Bãi kiểm hóa đầu tư sau*					**0**	**6.263.846.000**	**0**	
2.1	***Hạng mục 2.1: Khu vực bãi đổ xe và kho bãi tập kết hàng hóa phía nhập khẩu***								
	- Nguồn gốc sử dụng đất: Đất được UBND tỉnh Quảng Bình giao đất không thu tiền sử dụng đất theo Quyết định số 687/QĐ-UBND ngày 31/03/2011 về việc thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất và giao đất cho Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh san lấp mặt bằng và xây dựng Kè khu vực Nhà liên ngành và Quốc môn Khu kinh tế cửa khẩu Cha Lo tại xã Dân Hóa, huyện Minh Hóa. **- Thời hạn sử dụng đất:** Lâu dài, áp dụng thời hạn tối đa 70 năm từ năm 2011 - năm 2081 (Căn cứ điểm c, khoản 1, Điều 172 Luật Đất đai 2024; khoản 1, Điều 31, Luật Đầu tư 2025; Khoản 4, Điều 17 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP) **- Thời gian hoàn công đưa vào sử dụng:** 05/4/2009.								
-	**Các hạng mục tài sản bị ảnh hưởng, bao gồm:**								
	Gói thầu: Khu vực bãi đổ xe và kho bãi tập kết hàng hóa phía nhập khẩu.								
+	Đào xúc đất máy xúc <=0.8m3, ủi<=110cv, đất C3	m3	3.584,81						
+	Đắp đất biên hoà= máy đầm 16T, K=0,95	m3	3.762,98						
+	V. chuyển đất bằng ô tô 7T, phạm vi <=700m, đất C3	m3	3.584,81						

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Mức tính (%)	Thành tiền (đồng) *(Làm tròn số)*			Tổng cộng (đồng)
						Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ	
	Bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại xác định như sau: $P = \frac{P1 + P2 + P3 + P4}{T1} \times T2$	Căn cứ quy đinh tại khoản 2, Điều 107 của Luật Đất đai; Khoản 2, 3, 4, Điều 17 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP							
+	Bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại tại hạng mục 2.1, tổng chi phí đã đầu tư là 257.759.000 đồng, cụ thể như sau: T1=70 năm; T2=2081-2026=55 năm)	P=(257.759.000 đồng x 55)/70			100%		202.525.000		(Làm tròn số)
2.2	***Hạng mục 2.2: Bãi Kiểm hóa cửa khẩu Quốc tế Cha Lo***								
	- Nguồn gốc sử dụng đất: Đất được UBND tỉnh Quảng Bình giao đất không thu tiền sử dụng đất theo Quyết định số 687/QĐ-UBND ngày 31/03/2011 về việc thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất và giao đất cho Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh san lấp mặt bằng và xây dựng Kè khu vực Nhà liên ngành và Quốc môn Khu kinh tế cửa khẩu Cha Lo tại xã Dân Hóa, huyện Minh Hóa. **- Thời hạn sử dụng đất:** Lâu dài, áp dụng thời hạn tối đa 70 năm từ năm 2011 - năm 2081 (Căn cứ điểm c, khoản 1, Điều 172 Luật Đất đai 2024; khoản 1, Điều 31, Luật Đầu tư 2025; Khoản 4, Điều 17 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP) **- Thời gian hoàn công đưa vào sử dụng:** 30/6/2010.								
-	**Các hạng mục tài sản bị ảnh hưởng, bao gồm:**								
	Gói thầu: Bãi Kiểm hóa cửa khẩu Quốc tế Cha Lo.								
	Phần khối lượng ban đầu:								
+	Phát rừng loai III, mật độ cây >5	m2	3.464,70						
+	Đào san đất phạm vi <=50m máy ủi <=75cv, đất C3	m3	802,97						
+	Đào xúc đất máy xúc<=0.8m3, máy ủi<=110cv, đất C3	m3	4.086,33						
+	V. chuyển đất bằng ô tô 7T, phạm vi <=700m, đất C3	m3	4.086,33						
	Phần khối lượng bổ sung:								
+	Phát rừng loại III, mật độ cây <=5	m2	5.494,00						
+	Đào gốc cây, đk gốc cây <=30cm	cây	1.384,00						
+	Đào xúc đất máy xúc<=0.8m3, ủi<=110cv, đất C4	m3	32.534,83						
+	V. chuyển đất bằng ô tô 10T, phạm vi <=1000m, đất C4	m3	32.517,83						
+	V.chuyển đất 1000m tiếp theo cự ly <=2km ô tô 10T, đất C4	m3	32.517,83						

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Mức tính (%)	Thành tiền (đồng) *(Làm tròn số)*			Tổng cộng (đồng)
						Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ	
	Bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại xác định như sau: $P = \frac{P1 + P2 + P3 + P4}{T1} \times T2$	Căn cứ quy đinh tại khoản 2, Điều 107 của Luật Đất đai; Khoản 2, 3, 4, Điều 17 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP							
+	Bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại tại hạng mục 2.2, tổng chi phí đã đầu tư là 1.177.819.000 đồng, cụ thể như sau: T1=70 năm; T2=2081-2026=55 năm)	P=(1.177.819.000 đồng x 55)/70			100%		925.429.000		(Làm tròn số)
2.3	***Hạng mục 2.3: Bãi đổ xe nhập cảnh tại khu trung tâm cửa khẩu Quốc tế Cha Lo (GĐ1)***								
	- Nguồn gốc sử dụng đất: Đất được UBND tỉnh Quảng Bình giao đất không thu tiền sử dụng đất theo Quyết định số 687/QĐ-UBND ngày 31/03/2011 về việc thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất và giao đất cho Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh san lấp mặt bằng và xây dựng Kè khu vực Nhà liên ngành và Quốc môn Khu kinh tế cửa khẩu Cha Lo tại xã Dân Hóa, huyện Minh Hóa. **- Thời hạn sử dụng đất:** Lâu dài, áp dụng thời hạn 67 năm từ năm 2014 - năm 2081 (Căn cứ điểm c, khoản 1, Điều 172 Luật Đất đai 2024; khoản 1, Điều 31, Luật Đầu tư 2025; Khoản 4, Điều 17 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP) **- Thời gian hoàn công đưa vào sử dụng:** 24/9/2014.								
-	**Các hạng mục tài sản bị ảnh hưởng, bao gồm:**								
	Gói thầu: Bãi đổ xe nhập cảnh tại khu trung tâm cửa khẩu Quốc tế Cha Lo (GĐ1).								
+	Đào đất tạo mặt bằng đất cấp III	100m3	2,05						
+	Lu tăng cường nền đường, K=0.98	100m3	15,20						
+	Đào khuôn, đường, đất cấp III	100m3	5,44						
+	Làm lớp mặt CPĐD loại 1, lớp trên dày 15cm	100m3	7,60						
	Bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại xác định như sau: $P = \frac{P1 + P2 + P3 + P4}{T1} \times T2$	Căn cứ quy đinh tại khoản 2, Điều 107 của Luật Đất đai; Khoản 2, 3, 4, Điều 17 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP							
+	Bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại tại hạng mục 2.3, tổng chi phí đã đầu tư là 1.206.350.000 đồng, cụ thể như sau: T1=67 năm; T2=2081-2026=55 năm)	P=(1.206.350.000 đồng x 55)/67			100%		990.287.000		(Làm tròn số)

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Mức tính (%)	Thành tiền (đồng) *(Làm tròn số)*			Tổng cộng (đồng)
						Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ	
2.4	***Hạng mục 2.3: Bãi đổ xe nhập cảnh tại khu trung tâm cửa khẩu Quốc tế Cha Lo (GĐ1) và Hạng mục 2.7: Cây xanh Bãi kiểm hóa đầu tư sau***								
	- Nguồn gốc sử dụng đất: Đất được UBND tỉnh Quảng Bình giao đất không thu tiền sử dụng đất theo Quyết định số 687/QĐ-UBND ngày 31/03/2011 về việc thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất và giao đất cho Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh san lấp mặt bằng và xây dựng Kè khu vực Nhà liên ngành và Quốc môn Khu kinh tế cửa khẩu Cha Lo tại xã Dân Hóa, huyện Minh Hóa. **- Thời hạn sử dụng đất:** Lâu dài, áp dụng thời hạn 65 năm từ năm 2016 - năm 2081 (Căn cứ điểm c, khoản 1, Điều 172 Luật Đất đai 2024; khoản 1, Điều 31, Luật Đầu tư 2025; Khoản 4, Điều 17 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP) **- Thời gian hoàn công đưa vào sử dụng:** 17/8/2016.								
-	**Các hạng mục tài sản bị ảnh hưởng, bao gồm:**								
	Gói thầu: Bãi đỗ xe nhập cảnh tại khu trung tâm cửa khẩu Quốc tế Cha Lo (GĐ1)								
+	San gạt tao phẳng đất đổ bãi thải	m3	7.050,83						
+	Phát rừng tạo mặt bằng	m2	3.997,00						
+	Đào nền đất cấp 3	m3	4.402,34						
+	Đào nền đất cấp 4	m3	3.197,70						
+	Đào khuôn đất cấp 3	m3	3.319,27						
+	Đào khuôn đất cấp 4	m3	2.212,84						
+	Đắp đất tạo phẳng mặt bằng	m3	2.576,00						
+	Đắp đất lu lèn K>=0,95	m3	1.215,21						
+	Gom lớp cấp phối đá dăm trên bề mặt bãi đỗ xe	m3	736,89						
+	Trộn đất cấp phối với cấp phối đá dăm	ca	7,00						
+	Đắp đất mặt bằng đạt K>=0,98	m3	1.642,84						
+	Lu tăng cường đạt K>=0,98	m3	5.501,99						
	Bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại xác định như sau: $P = \frac{P1 + P2 + P3 + P4}{T1} \times T2$	Căn cứ quy đinh tại khoản 2, Điều 107 của Luật Đất đai; Khoản 2, 3, 4, Điều 17 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP							

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Mức tính (%)	Thành tiền (đồng) *(Làm tròn số)*			Tổng cộng (đồng)
						Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ	
+	Bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại tại hạng mục 2.4, tổng chi phí đã đầu tư là 1.009.525.000 đồng, cụ thể như sau: T1=65 năm; T2=2081-2026=55 năm)	P=(1.009.525.000 đồng x 55)/65			100%		854.213.000		(Làm tròn số)
2.5	***Hạng mục 2.6: San lấp mặt bằng khu vực nhà Liên ngành và Quốc môn Khu kinh tế cửa khẩu Cha Lo***								
	- Nguồn gốc sử dụng đất: Đất được UBND tỉnh Quảng Bình giao đất không thu tiền sử dụng đất theo Quyết định số 687/QĐ-UBND ngày 31/03/2011 về việc thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất và giao đất cho Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh san lấp mặt bằng và xây dựng Kè khu vực Nhà liên ngành và Quốc môn Khu kinh tế cửa khẩu Cha Lo tại xã Dân Hóa, huyện Minh Hóa. **- Thời hạn sử dụng đất:** Lâu dài, áp dụng thời hạn 69 năm từ năm 2012 - năm 2081 (Căn cứ điểm c, khoản 1, Điều 172 Luật Đất đai 2024; khoản 1, Điều 31, Luật Đầu tư 2025; Khoản 4, Điều 17 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP) **- Thời gian hoàn công đưa vào sử dụng:** 28/7/2012.								
-	**Các hạng mục tài sản bị ảnh hưởng, bao gồm:**								
	Khối lượng đào đá								
+	Đào nền đá cấp 3 bằng búa căn (50% KL đào đá)	m3	697,00						
+	Đào nền đá cấp 4 bằng máy đào, máy ủi (50% KL đào đá)	m3	711,096						
	Khối lương đào đất								
+	Đào nền đất cấp 4 bằng máy đào, máy ủi	m3	42.665,76						
+	Đào nền đất cấp 3 bằng máy đào, máy ủi	m3	98.131,25						
	Khối lượng đắp + công tác khác								
+	Bóc phong hóa + rễ cây	m3	35,07						
+	Đắp đất nền + bù phong hóa lu lèn k85 bằng máy đầm 16T	m3	120,25						
+	Đắp ta luy đất cấp 3 bằng máy	m3	78,68						
+	Đào góc cây 30<Fi<50 cm	gốc	65,00						
+	Đào góc cây Fi<30 cm	gốc	250,00						
+	Đào góc cây Fi<20 cm	gốc	3.500,00						
+	Vận chuyển đất cấp 4 đi đổ cự ly BQ <=300m)	m3	42.665,76						
+	Vận chuyển đất cấp 3 đi đổ cự ly BQ <=300m)	m3	98.131,25						
+	Vận chuyển đất phong hóa + rễ cây đi đổ cự ly BQ <=1km)	m3	35,07						
+	Vận chuyển góc cây cụ ly 3,0km (0,3m3/gốc)	m3	1.144,50						

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Mức tính (%)	Thành tiền (đồng) *(Làm tròn số)*			Tổng cộng (đồng)
						Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ	
+	Bốc xúc đá hỗn hợp lên phương tiện vận chuyển	m3	711,10						
+	Vận chuyển đá c3 đá cấp 4 đi đổ (cự ly BQ<=300m)	m3	1.422,20						
	Khối lượng san ủi đất tại bãi đổ								
+	San đất bằng máy ủi	m3	85.350,48						
	Bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại xác định như sau: $P = \frac{P1 + P2 + P3 + P4}{T1} \times T2$	Căn cứ quy đinh tại khoản 2, Điều 107 của Luật Đất đai; Khoản 2, 3, 4, Điều 17 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP							
+	Bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại tại hạng mục 2.5, tổng chi phí đã đầu tư là 4.129.201.000 đồng, cụ thể như sau: T1=69 năm; T2=2081-2026=55 năm)	P=(4.129.201.000 đồng x 55)/69			100%		3.291.392.000		(Làm tròn số)
3	***Bãi 3 - Bãi kiểm hóa phía nhập khẩu, bao gồm các hạng mục:*** *+ Hạng mục 3.1: Bãi đỗ xe xuất cảnh tại khu trung tâm cửa khẩu Quốc tế Cha Lo (GĐ1)* *+ Hạng mục 3.2: Bãi đỗ xe xuất cảnh tại khu trung tâm cửa khẩu Quốc tế Cha Lo (GĐ2)* *+ Hạng mục 3.3: Kè khu vực nhà liên ngành và Quốc môn khu kinh tế cửa khẩu Cha Lo*					**0**	**1.404.947.000**	**0**	
3.1	***Hạng mục 3.1: Bãi đỗ xe xuất cảnh tại khu trung tâm cửa khẩu Quốc tế Cha Lo (GĐ1)***								
	- Nguồn gốc sử dụng đất: Đất được UBND tỉnh Quảng Bình cấp giấy chứng nhận QSDĐ số BN 786930 và BN 786931, cấp ngày 11/6/2015, đất Nhà nước giao không thu tiền sử dụng đất. **- Thời hạn sử dụng đất:** Lâu dài, áp dụng thời hạn tối đa 70 năm từ năm 2015 - năm 2085 (Căn cứ điểm c, khoản 1, Điều 172 Luật Đất đai 2024; khoản 1, Điều 31, Luật Đầu tư 2025; Khoản 4, Điều 17 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP) **- Thời gian hoàn công đưa vào sử dụng:** 17/9/2014.								
-	**Các hạng mục tài sản bị ảnh hưởng, bao gồm:**								
	Gói thầu: Xây lắp công trình Giai đoạn 1.								
+	Đào khuôn đường đất cấp 3	m3	520,65						
+	Đắp đất nền đường lu lèn K>=0,95	m3	107,02						
+	Đắp đất mặt bằng đạt K>=0,98	m3	253,75						
+	Lu tăng cường đạt K>=0,98	m3	1.119,33						

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Mức tính (%)	Thành tiền (đồng) *(Làm tròn số)*			Tổng cộng (đồng)
						Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ	
	Bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại xác định như sau: $P = \frac{P1 + P2 + P3 + P4}{T1} \times T2$	Căn cứ quy đinh tại khoản 2, Điều 107 của Luật Đất đai; Khoản 2, 3, 4, Điều 17 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP							
+	Bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại tại hạng mục 3.1, tổng chi phí đã đầu tư là 120.832.000 đồng, cụ thể như sau: T1=70 năm; T2=2085-2026=59 năm)	P=(120.832.000 đồng x 59)/70			100%		101.844.000		(Làm tròn số)
3.2	***Hạng mục 3.2: Bãi đỗ xe xuất cảnh tại khu trung tâm cửa khẩu Quốc tế Cha Lo (GĐ2)***								
	- Nguồn gốc sử dụng đất: Đất được UBND tỉnh Quảng Bình cấp giấy chứng nhận QSDĐ số BN 786930 và BN 786931, cấp ngày 11/6/2015, đất Nhà nước giao không thu tiền sử dụng đất. **- Thời hạn sử dụng đất:** Lâu dài, áp dụng thời hạn tối đa 70 năm từ năm 2015 - năm 2085 (Căn cứ điểm c, khoản 1, Điều 172 Luật Đất đai 2024; khoản 1, Điều 31, Luật Đầu tư 2025; Khoản 4, Điều 17 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP) **- Thời gian hoàn công đưa vào sử dụng:** 04/2015.								
-	**Các hạng mục tài sản bị ảnh hưởng, bao gồm:**								
	Gói thầu: Xây lắp công trình Giai đoạn 2								
+	Đào khuôn đường đất cấp 3	m3	238,24						
+	Đắp đất nền đường lu lèn K>=0,95	m3	65,62						
+	Đắp đất mặt bằng đạt K>=0,98	m3	333,66						
+	Lu tăng cường đạt K>=0,98	m3	520,03						
	Bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại xác định như sau: $P = \frac{P1 + P2 + P3 + P4}{T1} \times T2$	Căn cứ quy đinh tại khoản 2, Điều 107 của Luật Đất đai; Khoản 2, 3, 4, Điều 17 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP							
+	Bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại tại hạng mục 3.2, tổng chi phí đã đầu tư là 61.966.000 đồng, cụ thể như sau: T1=70 năm; T2=2085-2026=59 năm)	P=(61.966.000 đồng x 59)/70			100%		52.228.000		(Làm tròn số)

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Mức tính (%)	Thành tiền (đồng) *(Làm tròn số)*			Tổng cộng (đồng)
						Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ	
3.3	***Hạng mục 3.3: Kè khu vực nhà liên ngành và Quốc môn khu kinh tế cửa khẩu Cha Lo***								
	- Nguồn gốc sử dụng đất: Đất được UBND tỉnh Quảng Bình giao đất không thu tiền sử dụng đất theo Quyết định số 687/QĐ-UBND ngày 31/03/2011 về việc thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất và giao đất cho Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh san lấp mặt bằng và xây dựng Kè khu vực Nhà liên ngành và Quốc môn Khu kinh tế cửa khẩu Cha Lo tại xã Dân Hóa, huyện Minh Hóa. **- Thời hạn sử dụng đất:** Lâu dài, áp dụng thời hạn 68 năm từ năm 2013 - năm 2081 (Căn cứ điểm c, khoản 1, Điều 172 Luật Đất đai 2024; khoản 1, Điều 31, Luật Đầu tư 2025; Khoản 4, Điều 17 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP) **- Thời gian hoàn công đưa vào sử dụng:** 12/2013.								
-	**Các hạng mục tài sản bị ảnh hưởng, bao gồm:**								
	Gói thầu: Kè khu vực nhà liên ngành và Quốc môn khu kinh tế cửa khẩu Cha Lo.								
+	Bóc phong hóa bằng máy, đất cấp I	m3	3.194,71						
+	Đào đánh cấp đất cấp III bằng máy (97%)	m3	1.270,01						
+	Đào đánh cấp đất cấp III bằng máy (3%)	m3	39,28						
+	Bóc dỡ đất đổ trong phạm vi tuyến kè máy đào <=1,25m3 máy ủi <=110cv đất cấp III	m3	8.776,11						
+	Đắp đất mặt bằng đạt K>=0,95 bằng đầm 16T (đất tận dụng)	m3	51.686,49						
+	Vận chuyển đất đá bãi thải cự ly 8km đất cấp III	m3	2.587,35						
+	Vận chuyển đất đá bãi thải cự ly 8km đất cấp I	m3	3.926,07						
	Bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại xác định như sau: $P = \frac{P1 + P2 + P3 + P4}{T1} \times T2$	Căn cứ quy đinh tại khoản 2, Điều 107 của Luật Đất đai; Khoản 2, 3, 4, Điều 17 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP							
+	Bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại tại hạng mục 3.3, tổng chi phí đã đầu tư là 1.546.536.000 đồng, cụ thể như sau: T1=68 năm; T2=2081-2026=55 năm)	P=(1.546.536.000 đồng x 55)/68			100%		1.250.875.000		(Làm tròn số)
4	***Bãi 4 - Bãi kiểm hóa phía nhập khẩu, bao gồm các hạng mục:*** *+ Hạng mục 4.1: Hạ tầng kỹ thuật khu trung tâm cửa khẩu Quốc tế Cha Lo (GĐ1)* *+ Hạng mục 4.2: Hạ tầng khu phi thuế quan và các điểm dịch vụ Khu kinh tế cửa khẩu Cha Lo (GĐ 1)*					**0**	**4.264.351.000**	**0**	
4.1	***Hạng mục 4.1: Hạ tầng kỹ thuật khu trung tâm cửa khẩu Quốc tế Cha Lo (GĐ1)***								

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Mức tính (%)	Thành tiền (đồng) *(Làm tròn số)*			Tổng cộng (đồng)
						Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ	
	- Nguồn gốc sử dụng đất: Đất được UBND tỉnh Quảng Bình giao đất không thu tiền sử dụng đất theo Quyết định số 2524/QĐ-UBND ngày 16/10/2013 về việc thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất và giao đất cho Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh Quảng Bình tại xã Dân Hóa, huyện Minh Hóa. **- Thời hạn sử dụng đất:** Lâu dài, áp dụng thời hạn 69 năm từ năm 2014 - năm 2083 (Căn cứ điểm c, khoản 1, Điều 172 Luật Đất đai 2024; khoản 1, Điều 31, Luật Đầu tư 2025; Khoản 4, Điều 17 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP) **- Thời gian hoàn công đưa vào sử dụng:** 24/9/2014.								
-	**Các hạng mục tài sản bị ảnh hưởng, bao gồm:**								
	Gói thầu: Xây dựng khu vực kho ngoại quan, chỉnh trang đô thị, cầu bản L= 21m và san nền một phần khu đất hành chính mới.								
+	Phát rừng tạo mặt bằng	100m2	61,88						
+	Đắp đất san nền K > = 0.85	100m3	44,84						
+	Bóc phong hóa, đất cấp II	100m3	27,60						
+	Đào đất tạo mặt bằng đất cấp III	100m3	5,30						
+	Lu TC san nền K >= 0.85	100m3	11,26						
+	Phá dỡ kết cấu gạch đá	m3	57,66						
+	Phá dở kết cấu BT	m3	24,86						
+	Lu tăng cường nền đường, K=0.98	100m3	3,397						
+	Đào khuôn đường , đất cấp III	100m3	3,446						
+	Lu tăng cường nền đường bằng máy đầm 16T, K=0.98, phần bãi đổ xe chưa được gia cố, diện tích =3272.9m2, dày 20cm	100m3	6,546						
+	Đào san đất tạo mặt bằng phần bãi đổ xe chưa được gia cố, diện tích =3272.9m2, dày trung bình 5cm	100m3	1,636						
	Bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại xác định như sau: $P = \frac{P1 + P2 + P3 + P4}{T1} \times T2$	Căn cứ quy đinh tại khoản 2, Điều 107 của Luật Đất đai; Khoản 2, 3, 4, Điều 17 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP							
+	Bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại tại hạng mục 4.1, tổng chi phí đã đầu tư là 1.110.622.000 đồng, cụ thể như sau: T1=69 năm; T2=2083-2026=57 năm)	P=(1.110.622.000 đồng x 57)/69			100%		917.470.000		(Làm tròn số)

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Mức tính (%)	Thành tiền (đồng) *(Làm tròn số)* Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ	Tổng cộng (đồng)
4.2	***Hạng mục 4.2: Hạ tầng khu phi thuế quan và các điểm dịch vụ Khu kinh tế cửa khẩu Cha Lo (GĐ 1)***								
	- Nguồn gốc sử dụng đất: Đất được UBND tỉnh Quảng Bình giao đất không thu tiền sử dụng đất theo Quyết định số 368/QĐ-UBND ngày 15/02/2016 về việc thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng và giao đất cho Ban quản lý Khu kinh tế xây dựng công trình Hạ tầng khu phi thuế quan và các điểm dịch vụ Khu kinh tế cửa khẩu Cha Lo - Giai đoạn I tại xã Dân Hóa, huyện Minh Hóa. **- Thời hạn sử dụng đất:** Lâu dài, áp dụng thời hạn 69 năm từ năm 2017 - năm 2086 (Căn cứ điểm c, khoản 1, Điều 172 Luật Đất đai 2024; khoản 1, Điều 31, Luật Đầu tư 2025; Khoản 4, Điều 17 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP) **- Thời gian hoàn công đưa vào sử dụng:** 14/3/2017.								
-	**Các hạng mục tài sản bị ảnh hưởng, bao gồm:**								
	Gói thầu xây lắp số 1: Xây dựng bãi kho ngoại quan trung chuyển và bãi nhập dọc Quốc lộ 12A								
+	Đào khuôn đường đất C3	m3	5.619,14						
+	Đắp đất mặt bằng đạt K>=0.98	m3	2.835,92						
+	Lu tăng cường nền dường đạt độ chặt K>0,95	m3	1.367,27						
+	Đào khuôn đường đất C3 bằng máy 95% khối lượng	m3	1.299,09						
+	Đào khuôn đường đất C3 bằng thủ công 5% khối lượng	m3	68,37						
+	Đào san đất cấp 2 bằng máy đào <= 1,25m3	m3	6.587,28						
+	Đắp đất mặt bằng đạt K<0.95 bằng máy đầm 16T (tận dụng)	m3	6.587,28						
+	Vận chuyển đất rổ ra thải cự ly 300m, đất c2, ô tô 10T	m3	6.587,28						
	Bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại xác định như sau: $P = \frac{P1 + P2 + P3 + P4}{T1} \times T2$	Căn cứ quy đinh tại khoản 2, Điều 107 của Luật Đất đai; Khoản 2, 3, 4, Điều 17 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP							
+	Bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại tại hạng mục 4.2, tổng chi phí đã đầu tư là 3.848.913.000 đồng, cụ thể như sau: T1=69 năm; T2=2086-2026=60 năm)	P=(3.848.913.000 đồng x 60)/69		100%		3.346.881.000			(Làm tròn số)
B.2	**Bồi thường tài sản trên đất** *(Căn cứ quy đinh tại điểm a, khoản 2, Điều 102, Luật Đất đai năm 2024)*					**0**	**68.223.484.000**	**0**	

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Mức tính (%)	Thành tiền (đồng) *(Làm tròn số)*			Tổng cộng (đồng)
						Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ	
1	***Bãi 1 - Bãi đỗ xe nhập dọc Quốc lộ 12A, bao gồm các hạng mục:*** *+ Hạng mục 1.2: Hạ tầng khu phi thuế quan và các điểm dịch vụ Khu kinh tế cửa khẩu Cha Lo (GĐ 1)* *+ Hạng mục 1.4: Hạ tầng Khu phi thuế quan và các điểm dịch vụ Khu kinh tế cửa khẩu Cha Lo (GĐ 2)*					**0**	**27.098.779.000**	**0**	
1.1	***Hạng mục 1.2: Hạ tầng khu phi thuế quan và các điểm dịch vụ Khu kinh tế cửa khẩu Cha Lo (GĐ 1)***								
	Giá trị bồi thường theo hồ sơ dự toán do Công ty TNHH XD-TM An Nguyên lập, đã được Công ty TNHH TVXD Phúc Nhân thẩm tra, giá trị dự toán sau khi thẩm tra là **12.138.439.000 đồng**, trong đó:								
	Chi phí bồi thường cho Ban quản lý khu kinh tế tỉnh Quảng Trị, bao gồm:						**12.138.439.000**		
-	Chi phí xây dựng				100%		11.039.997.000		
-	Chi phí quản lý dự án				100%		292.815.000		
-	Chi phí tư vấn xây dựng				100%		699.104.000		
-	Chi phí khác				100%		106.523.000		
	Các hạng mục tài sản bị ảnh hưởng, bao gồm:								
	Gói thầu số 1: Xây dựng bãi kho ngoại quan trung chuyển và bãi nhập dọc Quốc lộ 12A.								
	Kết cấu mặt								
+	Mặt bằng BTXM M350 dày 12cm	m3	2.918,13						
+	Lót 02 lớp giấy dầu	m2	12.158,89						
+	Móng lớp trên đá dăm 4x6 chèn đá dăm dày 8cm	m2	12.159,66						
+	Móng lớp dưới đá dăm TC 4x6 dày 10cm	m2	12.193,18						
+	Làm khe co, khe dọc	m	4.134,02						
+	Làm khe giãn	m	460,61						
+	Sản xuất thanh truyền lực khe co, khe giãn	tấn	8,59						
+	Sản xuất thanh truyền lực khe dọc	tấn	1,53						
	Trồng cỏ khu vệ sinh								
+	Đắp đất màu trồng cây	m3	28,47						
+	Đất đắp bù nền	m3	170,79						
+	Trồng cỏ 3 lá	m2	406,65						
+	Gạch xây vữa M75 dày 15cm, cao 10cm	m3	1,02						

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Mức tính (%)	Thành tiền (đồng) *(Làm tròn số)*			Tổng cộng (đồng)
						Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ	
+	Trát vữa M100 dày 1,5cm	m2	23,84						
+	Ống nhựa thoát nước D27	m	1,25						
	Phá bỏ bê tông không cốt thép	m3	28,37						
1.2	***Hạng mục 1.4: Hạ tầng Khu phi thuế quan và các điểm dịch vụ Khu kinh tế cửa khẩu Cha Lo (GĐ 2)***								
	Giá trị bồi thường theo hồ sơ dự toán do Công ty TNHH XD-TM An Nguyên lập, đã được Công ty TNHH TVXD Phúc Nhân thẩm tra, giá trị dự toán sau khi thẩm tra là **14.960.340.000 đồng**, trong đó:								
	Chi phí bồi thường cho Ban quản lý khu kinh tế tỉnh Quảng Trị, bao gồm:						**14.960.340.000**		
-	Chi phí xây dựng				100%		13.644.301.000		
-	Chi phí quản lý dự án				100%		348.768.000		
-	Chi phí tư vấn xây dựng				100%		838.224.000		
-	Chi phí khác				100%		129.047.000		
	Các hạng mục tài sản bị ảnh hưởng, bao gồm:								
	Gói thầu số 8: Xây dựng các hạng mục bổ sung thuộc khu phi thuế quan, kè bến xe, nhà vệ sinh công cộng và Kè bãi đỗ xe Cột Mốc biên giới (Bao gồm chi phí hạng mục chung và dự phòng)								
	Kết cấu mặt								
+	Mặt đường BTXM M350 đá 1x2cm, độ sụt 2-4cm	m3	3.379,86						
+	Lót 2 lớp giấy dầu	m2	14.061,88						
+	Móng lớp trên đá dăm 4x6 chèn đá dăm dày 8cm	100m2	141,12						
+	Móng lớp dưới đá dăm TC dày 10cm	100m2	141,12						
+	Làm khe co mặt đường	m	2.093,94						
+	Làm khe dãn mặt đường	m	654,17						
+	Làm khe dọc mặt đường	m	2.603,84						
	Phần nhà vệ sinh công cộng								
	Hạng mục: Xây lắp								
+	Đào móng - đất cấp III	100m3	0,15						
+	Đào móng đá, rộng ≤6m-đất cấp III	100m3	0,29						

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Mức tính (%)	Thành tiền (đồng) *(Làm tròn số)*			Tổng cộng (đồng)
						Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ	
+	Bê tông lót móng M100, đá 1x2	m3	2,42						
+	Bê tông móng, M200, đá 2x4	m3	3,19						
+	Bê tông cột TD> 0,1m2, cao <=4m đá 1x2 M200	m3	0,89						
+	SXLD Cốt thép móng đk <=10mm	tấn	0,12						
+	SXLD Cốt thép móng đk <=18mm	tấn	0,09						
+	Lót cát móng đá tưới nước đầm kỹ	m3	1,31						
+	Xây móng đá hộc, dày <=60cm, VXM75	m3	21,35						
+	Xây móng bằng gạch 2 lỗ không nung 6,5x10,5x22cm-chiều dày ≤33cm, vữa XM M75	m3	1,60						
+	Lấp đất hố móng K≥ 0,95	m3	14,50						
+	Bê tông cột TD<=0,1m2, cao <=4m đá 1x2 M200	m3	1,16						
+	SXLD Cốt thép cột, trụ đk <=10mm, cao <=4m	tấn	0,05						
+	SXLD Cốt thép cột, trụ đk <=18mm, cao <=4m	tấn	0,14						
+	Bê tông xả dầm, giằng nhà đá 1x2 M200	m3	3,34						
+	SXLD Cốt thép xả dầm giằng đk <=10mm, cao <=4m	tấn	0,09						
+	SXLD Cốt thép xả dầm giằng đk <=18mm, cao <=4m	tấn	0,50						
+	Bê tông sàn mái đá 1x2 M200	m3	6,74						
+	SXLD Cốt thép sàn mái đk <=10mm, cao <=16m	tấn	0,68						
+	BT lanh tô mái hắt máng nước tấm đan ôvăng đá 1x2 M200	m3	0,35						
+	Cốt thép lanh tộ liền mái hắt máng nước dk<=10mm cao <=4m	tấn	0,03						
+	Xây móng bằng gạch 2 lỗ không nung 6,5x10,5x22cm-chiều dày ≤33cm, vữa XM M75	m3	2,36						
+	Xây tường ngoài thẳng bằng gạch 2 lỗ Không nung 6,5x30,5x22cm chiều dày <33cm, chiều cao <6m, VXM75	m3	11,61						
+	Xây tường trong bằng gạch 2 lỗ Không nung 6,5x30,5x22cm chiều dày <33cm, chiều cao <6m, VXM75	m3	6,95						
+	Xây tường thẳng bằng gạch 2 lỗ Không nung 6,5x30,5x22cm chiều dày <11cm, chiều cao <6m, VXM75	m3	1,47						

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Mức tính (%)	Thành tiền (đồng) *(Làm tròn số)*			Tổng cộng (đồng)
						Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ	
+	Lắp vòi tè fi 40	cái	9,00						
+	Lắp dựng cửa đi gỗ nhóm 3	m2	1,80						
+	Lắp dựng cửa đi nhôm xingfa kính cường lực 8ly	m2	1,32						
+	Lắp dựng cửa sổ nhôm xingfa kính cường lực 8ly	m2	4,70						
+	Vách ngăn bằng compact dày 18 và bộ phụ kiên Inoxx SUS 304	m2	31,12						
+	Tấm gốm định hình làm vách ngăn KT 500x1400	cái	5,00						
+	Sơn bề mặt kính bằng sơn cách nhiệt	m2	9,53						
+	Sơn của panô 3 nước	m2	3,60						
+	Đắp cát, độ chặt K> = 0,95	100m3	0,12						
+	Bê tông M100, đá 2x4	m3	4,01						
+	Lát nền, sàn gạch granit tiết diện gạch 600x600	m2	36,88						
+	Ốp tường trụ, cột-tiết diện gạch 300x600	m2	60,46						
+	Ốp chân tường gạch thẻ mào đỏ	m2	9,90						
+	Óp hoa gốm lấy sáng 300x300	m2	1,20						
+	Trát trần VXM75	m2	56,18						
+	Trát xà dầm VXM75	m2	13,93						
+	Trát trụ, cột dày 1,5cm VXM75	m2	8,58						
+	Trát sê nô, mái hắt, lam ngang VXM75	m2	5,41						
+	Trát keo xi măng vào cấu kiên BT	m2	84,10						
+	Láng 2 lớp vữa xi măng nguyên chất PCB40 dày 2cm VXM75	m2	56,18						
+	Quét nước xi măng 2 nước	m2	56,18						
+	Trát tường ngoài dày 1,5cm VXM75	m2	52,77						
+	Trát tường trong dày 1,5cm VXM75	m2	82,20						
+	Trát gờ chỉ, vữa XM M75	m	112,66						
+	Tường kẻ roăng rộng 30, sâu 15 A300	m	170,24						
+	Láng nền sàn không đánh mầu, dày 2cm VXM75	m2	10,85						

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Mức tính (%)	Thành tiền (đồng) *(Làm tròn số)*			Tổng cộng (đồng)
						Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ	
+	Láng Granitô nên sàn	m2	3,24						
+	Láng Granitô cầu thang	m2	7,61						
+	Sơn dầm, trần, tường ngoài nhà không bả bằng sơn các loại 1 nước lót + 2 nước phủ	m2	52,77						
+	Sơn dầm, trần, tường trong nhà không bả bằng sơn các loại 1 nước lót + 2 nước phủ	m2	166,30						
+	Lắp dựng dàn giáo ngoài, cao <=16m	100m2	1,25						
+	Lắp dựng biểu tượng WC nam nữ	cái	2,00						
+	Đắp mùn trồng hoa	m3	1,16						
+	Trồng cỏ nhật	m2	2,57						
+	Bảo dưỡng bồn hoa	1 tháng	2,57						
	Hạng mục: Điện								
+	Lắp đặt dây dẫn 2 ruột, loại 2x4mm2	m	565,00						
+	Lắp đặt dây dẫn 2 ruột, loại 1x2,5mm2	m	7,00						
+	Lắp đặt dây dẫn 2 ruột, loại 1x1,5mm2	m	90,00						
+	Lắp đặt ống nhựa PVC cách điện chống cháy ĐK 20mm	m	0,30						
+	Lắp đặt ống nhựa PVC cách điện chống cháy ĐK 32mm	m	5,65						
+	Lắp đặt đèn ốp trần D300	bộ	7,00						
+	Lắp đặt quạt trên đường ống thông gió, quạt kt 300x300	cái	4,00						
+	Lắp đặt công tắc, loại 1 hạt trên 1 công tắc + hộp âm tường	cái	5,00						
+	Lắp đặt ổ cắm loại ổ đôi + hộp âm tường	cái	1,00						
+	Lắp đặt các automat 1P-10A	cái	1,00						
+	Lắp đặt các automat 1P-20A	cái	1,00						
+	Lắp đặt các automat 1P-25A	cái	1,00						
+	Lắp đặt tủ điện âm tường chứa 14 cực MCB	tủ	1,00						
+	Kéo rải dây đồng dưới mương đất, d=8mm	m	565,00						
+	Đào xúc đất - đất cấp III	100m3	1,41						

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Mức tính (%)	Thành tiền (đồng) *(Làm tròn số)*			Tổng cộng (đồng)
						Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ	
+	Đào đất đặt đường ống, đường cáp có mái taluy, đất C3	m3	76,28						
+	Đắp móng đường ống K> = 0,95	m3	76,28						
+	Đắp đất nền móng công trình, nền đường K>= 0,95	m3	169,50						
+	Lát gạch 2 lỗ không nung, vữa lót M75	m2	113,00						
+	Băng cáp cảnh báo	m	565,00						
+	Lắp đặt ống nhựa HDPE ĐK 40mm	100m	5,65						
+	Mốc sứ cảnh báo cáp ngầm	cái	111,00						
	Hạng mục: Cấp nước								
+	Lắp đặt ống nhựa PVC, ĐK 20mm	100m	0,27						
+	Lắp đặt ống nhựa PVC, ĐK 25mm	100m	0,22						
+	Lắp đặt ống nhựa PVC, ĐK 32mm	100m	4,06						
+	Lắp đặt ống nhựa PVC, ĐK 48mm	100m	0,18						
+	Lắp đặt ống nhựa PVC ĐK 60mm	100m	0,10						
+	Lắp đặt ống nhựa PVC, dài 6m, ĐK 110mm	100m	0,25						
+	Lắp đặt cút nhựa ĐK 20mm	cái	20,00						
+	Lắp đặt cút nhưa, ĐK 25mm	cái	10,00						
+	Lắp đặt cút nhựa, ĐK 32mm	cái	4,00						
+	Lắp đặt cút nhựa, ĐK 48mm	cái	28,00						
+	Lắp đặt cút nhựa, ĐK 60mm	cái	6,00						
+	Lắp đặt cút nhựa, ĐK 110mm	cái	16,00						
+	Lắp đặt tê nhựa ĐK 20mm	cái	11,00						
+	Lắp đặt tê nhựa, ĐK 25mm	cái	10,00						
+	Lắp đặt tê nhựa, ĐK 48mm	cái	5,00						
+	Lắp đặt tê nhựa, ĐK 60x48mm	cái	2,00						
+	Lắp đặt tê nhựa, ĐK 110x34mm	cái	2,00						
+	Lắp đặt tê nhựa, ĐK 110x48mm	cái	3,00						

TT	Họ và tên / Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Mức tính (%)	Thành tiền (đồng) *(Làm tròn số)*			Tổng cộng (đồng)
						Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ	
+	Lắp đặt tê nhựa, ĐK. 110mm	cái	5,00						
+	Lắp đặt gương soi	cái	4,00						
+	Lắp đặt giá treo	cái	4,00						
+	Lắp đặt kệ kính	cái	4,00						
+	ắp đặt hộp đựng giấy	cái	4,00						
+	Lắp đặt chậu rửa 1 vòi	bộ	4,00						
+	Lắp đặt vòi rửa 1 vòi	bộ	4,00						
+	Lắp đặt chậu tiểu nam tự động	bộ	5,00						
+	Lắp đặt van ren, ĐK 15mm	cái	2,00						
+	Lắp đặt van ren, DK 20mm	cái	5,00						
+	Lắp đặt côn nhựa, ĐK 25x20mm	cái	2,00						
+	Lắp đặt côn nhựa, ĐK 48x60mm	cái	1,00						
+	Lắp đặt xí bệt	bộ	7,00						
+	Lắp đặt phễu thu, ĐK 110mm	cái	2,00						
+	Lắp đặt vòi đồng	bộ	2,00						
+	Lắp đặt bể nước Inox 1m3	bể	2,00						
+	Lắp đặt máy bơm chân không	1 máy	1,00						
	Hạng mục: Bể tự hoại								
+	Đào móng cột, trụ, hố kiểm tra-đất cấp III	m3	31,58						
+	Đắp đất nền móng công trình, nền đường K>= 0,95	m3	10,53						
+	Bê tông lót móng, M100, đá 4x6	m3	1,50						
+	Bê tông nền M200, đá 1x2	m3	2,99						
+	Xây tường thẳng bằng gạch 2 lỗ không nung 6,5x10,5x22cm-chiều dày ≤33cm, chiều cao ≤6m, vữa XM M50	m3	7,78						
+	Bê tông tấm đan, mái hắt, lanh tô, bê tông M200, đá 1x2 Đổ bê tông đúc sẵn	m3	1,30						
+	Sản xuất, lắp đặt cốt thép pa nen, ĐK ≤10mm	tấn	0,07						

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Mức tính (%)	Thành tiền (đồng) *(Làm tròn số)*			Tổng cộng (đồng)
						Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ	
+	Lắp các loại CKBT đúc sẵn, trọng lượng ≤25kg	cái	17,00						
+	Trát tường ngoài dày 1,5cm, vữa XM M50	m2	29,24						
+	Trát tường trong dày 2,5cm, vữa XM M75	m2	44,80						
+	Láng nền, sàn có đánh màu, dày 2cm, vữa XM M75	m2	9,40						
+	Lắp đặt ống nhựa PVC, nối bằng p/p hàn, dài 6m, ĐK 200mm	100m	0,01						
+	Lắp đặt tê nhựa ĐK 100mm	cái	1,00						
+	Đổ than củi vào hố tự thấm	m3	0,09						
+	Đổ than xi vào hố tự thấm	m3	0,09						
+	Đổ gạch vỡ vào hố tự thấm	m3	0,09						
+	Đổ cát mịn vào hố tự thấm	m3	0,09						
+	Đổ cát thô vào hố tự thấm	m3	0,09						
+	Đổ sỏi 1x2 vào hố tự thấm	m3	0,09						
+	Láng nền, sàn không đánh màu, dày 3cm, vữa XM M75	m2	15,08						
	Hệ thống an toàn và hành lang cây xanh								
+	Trồng cây xanh, cây mưng ĐK>=25cm, h>=3.5m	Cây	22,00						
+	Trồng cây xanh, cây hue đo đường kính gốc 15-18cm, h>=3.5m	Cây	17,00						
+	Thuốc kích thích ra rễ và tăng trưởng cây	Cây	39,00						
+	Bảo dưỡng cây xanh sau khi trồng 90 ngày	Cây	39,00						
+	Duy trì cây bóng mát mới trồng từ 90 ngày đến 180 ngày	Cây	39,00						
+	Xây gạch chỉ vữa XM M75	m3	0,92						
+	Trát vữa dày 1.5cm vữa M75	m2	9,04						
2	***Bãi 2 - Bãi kiểm hóa phía nhập khẩu, bao gồm các hạng mục:*** *+ Hạng mục 2.1: Khu vực bãi đỗ xe và kho bãi tập kết hàng hóa phía nhập khẩu* *+ Hạng mục 2.2: Bải Kiểm hóa cửa khẩu Quốc tế Cha Lo* *+ Hạng mục 2.4: Bãi đỗ xe nhập cảnh tại khu trung tâm cửa khẩu Quốc tế Cha Lo (GĐ1)* *+ Hạng mục 2.5: Sửa chữa hạ tầng kỹ thuật hệ thống hàng rào tại khu kinh tế cửa khẩu Cha Lo* *+ Hạng mục 2.7: Cây xanh Bãi kiểm hóa đầu tư sau*					**0**	**22.695.018.000**	**0**	

TT	Họ và tên / Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Mức tính (%)	Thành tiền (đồng) *(Làm tròn số)*			Tổng cộng (đồng)
						Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ	
2.1	***Hạng mục 2.1: Khu vực bãi đổ xe và kho bãi tập kết hàng hóa phía nhập khẩu***								
	Giá trị bồi thường theo hồ sơ dự toán do Công ty TNHH XD-TM An Nguyên lập, đã được Công ty TNHH TVXD Phúc Nhân thẩm tra, giá trị dự toán sau khi thẩm tra là **1.139.442.000 đồng**, trong đó:								
	Chi phí bồi thường cho Ban quản lý khu kinh tế tỉnh Quảng Trị, bao gồm:						**1.139.442.000**		
-	Chi phí xây dựng				100%		1.041.229.000		
-	Chi phí quản lý dự án				100%		27.664.000		
-	Chi phí tư vấn xây dựng				100%		64.054.000		
-	Chi phí khác				100%		6.495.000		
	Các hạng mục tài sản bị ảnh hưởng, bao gồm:								
	Gói thầu: Khu vực bãi đổ xe và kho bãi tập kết hàng hóa phía nhập khẩu.								
	Kết cấu mặt								
+	Rải lớp đá Base dày 5cm	m2	2.938,41						
+	Phá dỡ BT rãnh nước	m3	57,65						
+	Đào móng băng rộng <=3, sâu <=1m, đất C3	m3	206,97						
+	Bê tông đá dăm 4x6 VXM50	m3	16,07						
+	Xây móng đá hộc, dày <=60cm, VXM75	m3	53,55						
+	Lót cát móng đá tưới nước đầm kỹ	m3	13,09						
+	Xây vườn hoa dày <=30cm gạch đặc VXM75	m3	5,87						
+	BT rãnh đúc sẵn đá 1x2 M200	m3	31,02						
+	BT tấm đan đá 1x2 M200	m3	11,20						
+	Lắp rãnh bê tông đúc sẵn	cái	70,00						
+	Bê tông tường hộ lan đá 1x2 M200	m3	73,56						
+	Lắp tấm đan rãnh nước TC trọng lượng>250 kg VXM75	cái	70,00						
+	Trát bồn hoa dày 1,5cm VXM50	m2	498,61						
+	Cốp pha tường hộ lan, rãnh nước, tấm đan	m2	648,95						
+	Sơn phản quang màu đỏ	m2	39,60						

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Mức tính (%)	Thành tiền (đồng) *(Làm tròn số)*			Tổng cộng (đồng)
						Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ	
+	Lấp đất hố móng bằng 1/3 đất đào	m3	68,99						
+	Quét vôi 3 nước trắng cao >4m	m2	226,19						
+	SXLD Cốt thép trụ đk <=10mm, cao <=4m	kg	1.907,82						
+	Đắp bùn trồng cây	m3	7,97						
+	Quét nước xi măng 2 nước	m2	250,60						
2.2	***Hạng mục 2.2: Bãi Kiểm hóa cửa khẩu Quốc tế Cha Lo***								
	Giá trị bồi thường theo hồ sơ dự toán do Công ty TNHH XD-TM An Nguyên lập, đã được Công ty TNHH TVXD Phúc Nhân thẩm tra, giá trị dự toán sau khi thẩm tra là **2.226.913.000 đồng**, trong đó:								
	Chi phí bồi thường cho Ban quản lý khu kinh tế tỉnh Quảng Trị, bao gồm:						**2.226.913.000**		
-	Chi phí xây dựng				100%		2.000.474.000		
-	Chi phí quản lý dự án				100%		53.150.000		
-	Chi phí tư vấn xây dựng				100%		160.596.000		
-	Chi phí khác				100%		12.693.000		
	Các hạng mục tài sản bị ảnh hưởng, bao gồm:								
	Gói thầu: Bãi Kiểm hóa cửa khẩu Quốc tế Cha Lo.								
+	Rải lớp Base bề mặt dày 5cm	m2	1.998,94						
+	Đào móng băng rộng <=3, sâu <=1m, đất C3	m3	284,00						
+	Bê tông sạn ngang VXM50	m3	2,07						
+	Lót cát kè đá tưới nước đầm kỹ Xây kè bằng đá hộc, VXM75	m3	39,67						
+	Xây kè bằng đá hộc, VXM75	m3	616,81						
+	BT móng cột điện chiều rộng <= 250cm, đá 1x2	m3	0,16						
+	Bê tông xà dầm, giằng đá 1x2 M200	m3	7,58						
+	Cốp pha móng cột điện	m2	1,60						
+	Cốp pha xà dầm, giằng	m2	46,23						
+	Lấp đất hố móng bằng 1/3 đất đào	m3	94,67						
+	SXLD Cốt thép xà dầm giằng đk <=10mm,cao<=4m	kg	543,69						

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Mức tính (%)	Thành tiền (đồng) *(Làm tròn số)*			Tổng cộng (đồng)
						Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ	
+	Xây tường gạch chỉ dày <=11cm cao <=4m,VXM75	m3	15,80						
+	Xây cột trụ gạch chỉ hàng rào cao <=4m, VXM75	m3	14,41						
+	Trát tường ngoài dày 1,5cm VXM50	m2	382,42						
+	Trát gờ chỉ lõm VXM75	m	264,00						
+	Trát phào đơn VXM75	m	470,40						
+	Sản xuất hàng rào song sắt	m2	1.821,16						
+	Lắp dựng song sắt	m2	45,24						
+	Quét vôi màu cào <4m (khoán gọn m2)	m2	382,42						
+	Trồng cỏ mái ta luy	m2	160,00						
+	Sơn sắt thép các loại 3 nước	m2	22,62						
+	Lắp đặt dây dẫn 2, ruột, loại 2x4mm2	m	75,00						
+	LĐ ống nhựa miệng đk 50mm	m	46,00						
+	LĐ ống nhựa đặt chìm bảo hộ dây dẫn, đk<=15	m	75,00						
+	Lắp dựng cột điện	cột	2,00						
+	Tháo dỡ tháp nước	cái	1,00						
+	Tháo dỡ nhà cấp 4	m2	24,36						
2.3	***Hạng mục 2.4: Bãi đỗ xe nhập cảnh tại khu trung tâm cửa khẩu Quốc tế Cha Lo (GĐ1) và hạng mục 2.7: Cây xanh Bãi kiểm hóa đầu tư sau***								
	Giá trị bồi thường theo hồ sơ dự toán do Công ty TNHH XD-TM An Nguyên lập, đã được Công ty TNHH TVXD Phúc Nhân thẩm tra, giá trị dự toán sau khi thẩm tra là **18.581.329.000 đồng**, trong đó:								
	Chi phí bồi thường cho Ban quản lý khu kinh tế tỉnh Quảng Trị, bao gồm:						**18.581.329.000**		
-	Chi phí xây dựng				100%		17.000.538.000		
-	Chi phí quản lý dự án				100%		413.792.000		
-	Chi phí tư vấn xây dựng				100%		1.008.407.000		
-	Chi phí khác				100%		158.592.000		
	Các hạng mục tài sản bị ảnh hưởng, bao gồm:								
	Gói thầu: Bãi đỗ xe nhập cảnh tại khu trung tâm cửa khẩu Quốc tế Cha Lo (GĐ1)								

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Mức tính (%)	Thành tiền (đồng) *(Làm tròn số)*			Tổng cộng (đồng)
						Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ	
	Kết cấu mặt								
+	Mặt bằng BTXM M350 đá 1x2cm	m3	4.422,17						
+	Lót lớp giấy dầu	m2	36.851,43						
+	Móng lớp dưới đá dăm TC 4x6cm dày 15cm	m2	2.737,68						
+	Móng lớp dưới đá dăm TC 4x6cm dày 18cm	m2	15.688,03						
+	Cắt khe co	m	3.461,55						
+	Làm khe dãn	m	234,40						
+	Cắt khe dọc	m	3.877,07						
+	Cốt thép khe dọc d<18mm	tấn	5,26						
+	Cốt thép khe co, khe giãn d>18mm	tấn	27,32						
+	Cốt thép khe giãn (thanh truyền lực) d<18mm	tấn	8,79						
+	Bê tông mặt sân M250 đá 1x2cm	m3	3,52						
+	Lót bạt nilong	m2	70,34						
	An toàn giao thông + Sơn kẻ vạch								
+	Biển báo	cái	1,00						
+	Cung cấp lắp đặt barrier L=8m	cái	4,00						
+	Cung cấp lắp bốt bảo vệ KT 1,8x2,3m	cái	2,00						
+	Sơn kẻ vạch giảm tốc dày 2mm	m2	743,32						
+	Sơn kẻ vạch giảm tốc dày 5mm	m2	33,12						
	Phần nhà vệ sinh								
+	**Phần xây lắp**	m2	45,24						
+	Đào móng cột, trụ rộng >1m, sâu <=1m, đất C3	m3	10,90						
+	Đào móng băng rộng <=3, sâu <=1m, đất C3	m3	13,68						
+	Bê tông đá 2x4 M100	m3	2,42						
+	BT móng chiều rộng <= 250cm,đá 2x4 M200	m3	3,19						
+	Bê tông cột TD> 0,1m2, cao <=4m đá 1x2 M200	m3	0,58						

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Mức tính (%)	Thành tiền (đồng) *(Làm tròn số)*			Tổng cộng (đồng)
						Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ	
+	SXLD Cốt thép móng đk 6,8mm	kg	44,60						
+	SXLD Cốt thép móng đk <=10mm	kg	102,30						
+	SXLD Cốt thép móng đk <=18mm	kg	254,40						
+	Lót cát móng đá tưới nước đầm kỹ	m3	1,33						
+	Xây móng đá hộc, dày <=60cm, VXM75	m3	15,45						
+	Xây móng, ram dốc gạch chỉ dày <=33cm, VXM75	m3	0,99						
+	Lấp đất hố móng đầm kỹ	m3	8,19						
+	Bê tông cột TD<=0,1m2, cao <=4m đá 1x2 M200	m3	1,16						
+	SXLD Cốt thép cột, trụ đk 6,8mm, cao <=4m	kg	40,20						
+	SXLD Cốt thép cột, trụ đk <=18mm, cao <=4m	kg	126,40						
+	Cốp pha cột vuông, chữ nhật	m2	28,58						
+	Bê tông xà dầm, giằng nhà đá 1x2 M200	m3	3,37						
+	SXLD Cốt thép xà dầm giằng đk 6,8mm, cao <=4m	kg	52,20						
+	SXLD Cốt thép xà dầm giằng đk <=18mm, cao <=4m	kg	269,30						
+	Bê tông sàn mái đá 1x2 M200	m3	5,62						
+	SXLD Cốt thép sàn mái đk 6,8mm, cao <=16m	kg	392,50						
+	SXLD Cốt thép sàn mái đk <=10mm, cao <=16m	kg	199,80						
+	BT lanh tô ôvăng đá 1x2 M200	m3	0,32						
+	Cốt thép lanh tô liền mái hắt máng nước đk6,8mm cao <=4m	kg	5,80						
+	Cốt thép lanh tô liền mái hắt máng nước dk<=10mm cao <=4m	kg	19,90						
+	Xây bậc cấp gạch chỉ dày <=33cm, VXM50	m3	2,36						
+	Xây tường ngoài viên câu ngang gạch đặc dày <=33cm, cao <=4m,VXM50	m3	11,17						
+	Xây tường trong gạch chỉ dày <=33cm, cao <=4m,VXM50	m3	6,95						
+	Xây tường gạch chỉ dày <=11cm, cao <=4m,VXM75	m3	2,11						
+	Lắp ống thoát nước mái fi 32 dài 250	cái	9,00						
+	LD cửa đi pa nô 2 cánh N3 không khuôn VXM75	m2	1,80						

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Mức tính (%)	Thành tiền (đồng) *(Làm tròn số)*			Tổng cộng (đồng)
						Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ	
+	Lắp dựng cửa đi khung nhâm kính VXM75	m2	1,47						
+	Lắp dựng vách kính khung nhôm Đài Loan trong nhà VXM75	m2	2,86						
+	Vách ngăn bằng compact dày 18 và bộ phụ kiên Inoxx SUS 304	m2	25,36						
+	Tấm gốm định hình làm vách ngăn KT 500x1400	cái	5,00						
+	Sơn cửa kính 3 nước	m2	8,66						
+	Sơn cửa pa nô 3 nước	m2	3,60						
+	Đắp đất pha cát nền nhà tưới nước đầm kỹ	m3	11,67						
+	Bê tông nền đá 1x2 M100	m3	3,96						
+	Lát nền, sàn đá granit loại nhám VXM75	m2	36,11						
+	Ốp tường đá granit VXM75	m2	51,97						
+	ốp gạch thẻ màu đỏ	m2	9,90						
+	ốp hoa gốm lấy sáng 300x300mm VXM75	m2	1,20						
+	Trát trần VXM75	m2	56,18						
+	Trát xà dầm VXM75	m2	13,93						
+	Trát trụ, cột dày 1,5cm VXM75	m2	8,58						
+	Trát sê nô, mái hắt, lam ngang VXM75	m2	4,81						
+	Láng 2 lớp VXM nguyên chất PC40 dầy 2cm VXM75	m2	56,18						
+	Quét nước xi măng 2 nước	m2	56,18						
+	Trát tường ngoài dày 1,5cm VXM75	m2	50,79						
+	Trát tường trong dày 1,5cm VXM75	m2	100,38						
+	Trát gờ chỉ VXM75	m	112,66						
+	Tường kẻ roăng rộng 30, sâu 15 A300	m	170,24						
+	Láng nền sàn không đánh mầu, dày 2cm VXM75	m2	10,85						
+	Láng Granitô nền sàn	m2	3,24						
+	Láng Granitô cầu thang	m2	7,61						
+	Ốp đá granit tự nhiên khu vực bồn rửa	m2	2,10						

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Mức tính (%)	Thành tiền (đồng) *(Làm tròn số)*			Tổng cộng (đồng)
						Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ	
+	Bộ giá inox 30x30	bộ	2,00						
+	Sơn tường ngoài nhà sơn DULUX 1 nước lót, 2 nước phủ	m2	50,79						
+	Sơn dầm trần, cột, tường trong nhà DULUX 1 lót, 2 nước phủ	m2	183,88						
+	Lắp dựng dàn giáo ngoài, cao <=16m	m2	124,50						
+	Lắp dựng biểu tượng WC nam + nữ	cái	2,00						
+	Đắp đất mùn trồng hoa	m3	1,16						
+	Trồng cỏ nhật	m2	2,57						
+	Bảo dưỡng bồn hoa trong vòng 1 tháng	m2/th	2,57						
	Phần điện chiếu sáng								
+	Lắp đặt cáp CU/PVC/PVC, 2x2,5mm2	m	3,00						
+	Lắp đặt cáp CU/PVC/PVC, 2x1,5mm2	m	160,00						
+	LĐ ống nhựa cách điện chống cháy, đk 20	m	30,00						
+	LĐ ống nhựa cách điện chống cháy, đk 32	m	40,00						
+	Lắp đặt loại đèn lốp trần D300	bộ	6,00						
+	LĐ quạt hút khu vệ sinh KT 300x300	cái	2,00						
+	Lắp đặt công tắc đèn loại 1 cực10A-220V+hộp âm tường	cái	6,00						
+	Lắp đặt ổ cắm đôi 2 cực 16A-220V +hộp âm tường	cái	2,00						
+	LĐ Aptomat loại 1 pha, 10Ampe dòng ngắn mạch 4,5KA	cái	1,00						
+	LĐ Aptomat loại 1 pha, 20Ampe,dòng ngắn mạch 4,5KA	cái	1,00						
+	LĐ Aptomat loại 1 pha, 25Ampe, dòng ngắn mạch 4,5KA	cái	1,00						
+	LĐ Aptomat loại 3 pha, 100Ampe	cái							
+	Dây CVV 2x1.5mm2 lắp đặt thiết bị công tắc phao nước	m	285,00						
+	Lắp hộp điện âm tường cửa trong suốt chứa 14 cực MCB	cái	1,00						
+	Lắp đặt công tắc điện phao nước (đặt bồn nước)	cái	1,00						
+	Cáp bọc CU/PVC/PVC 3x16+1x10mm2	m	20,00						
+	Cáp bọc CU/PVC/PVC 3x6+1x4mm2	m	350,00						

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Mức tính (%)	Thành tiền (đồng) *(Làm tròn số)*			Tổng cộng (đồng)
						Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ	
+	Cáp bọc CU/PVC/PVC 2x4mm2	m	531,00						
+	Lắp đặt tủ điện KT 600x400x300 + gông cố định	cái	1,00						
+	LĐ ống thép tráng kẽm D130 chờ cấp điện và thông tin cho trạm cân và đoạn qua đường	m	76,00						
+	LĐ nút bịt ống D130	cái	2,00						
+	LĐ Aptomat loại 3 pha, 63Ampe	cái	1,00						
+	LĐ Aptomat loại 3 pha, 30Ampe	cái	2,00						
+	LĐ Aptomat loại 1 pha, 2 cực 30A	cái	3,00						
+	Lắp công tơ loại 1 pha 10-40A + hộp	cái	1,00						
+	Đào hào cáp ngầm đất cấp 3	m3	206,80						
+	Đắp cát móng đường ống	m3	61,43						
+	Lắp đặt ống nhựa HDPE đk 130	m	400,00						
+	Đắp đất đầm chặt cầu K>=0.85	m3	136,50						
+	Lát gạch thẻ bảo vệ đường ống	m2	91,00						
+	Băng cáp cảnh báo	m	455,00						
+	Đào móng cột, trụ rộng <=1m, sâu <=1m, đất C3	m3	5,12						
+	BT đá 2x4 lót móng, rộng <=250cm, M100	m3	0,26						
+	Xây hố ga gạch đặc dày <=33cm, VXM75	m3	3,93						
+	BT tấm đan, đúc sẵn đá 1x2 M200	m3	0,19						
+	Cốt thép pa nen đúc sẵn fi <=10mm	kg	20,54						
+	Lắp cấu kiện BT thủ công trọng lượng<=50kg VXM75	cái	8,00						
+	Trát tường trong dày 1,5cm VXM75	m2	15,67						
+	Trát tường trong dày 2.0cm VXM75	m2	15,67						
	Cấp nước								
+	Lắp đặt ống nhựa PVC, ĐK 20mm	m	25,00						
+	Lắp đặt ống nhựa PVC, ĐK 25mm	m	475,00						
+	Lắp đặt ống nhựa PVC, ĐK 32mm	m	5,00						

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Mức tính (%)	Thành tiền (đồng) *(Làm tròn số)*			Tổng cộng (đồng)
						Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ	
+	Lắp đặt ống nhựa PVC, ĐK 48mm	m	15,00						
+	Lắp đặt ống nhựa PVC ĐK 60mm	m	10,00						
+	Lắp đặt ống nhựa PVC ĐK 110mm	m	77,00						
+	Lắp đặt cút nhựa ĐK 20mm	cái	20,00						
+	Lắp đặt cút nhưa, ĐK 25mm	cái	10,00						
+	Lắp đặt cút nhựa, ĐK 32mm	cái	2,00						
+	Lắp đặt cút nhựa, ĐK 48mm	cái	28,00						
+	Lắp đặt cút nhựa, ĐK 60mm	cái	4,00						
+	Lắp đặt cút nhựa, ĐK 110mm	cái	14,00						
+	Lắp đặt tê nhựa ĐK 20mm	cái	9,00						
+	Lắp đặt tê nhựa, ĐK 25mm	cái	3,00						
+	Lắp đặt tê nhựa, ĐK 25x20mm	cái	2,00						
+	Lắp đặt tê nhựa, ĐK 48mm	cái	5,00						
+	Lắp đặt tê nhựa, ĐK 60x48mm	cái	2,00						
+	Lắp đặt tê nhựa, ĐK 60mm	cái	3,00						
+	Lắp đặt tê nhựa, ĐK 110x32mm	cái	1,00						
+	Lắp đặt tê nhựa, ĐK. 110mm	cái	4,00						
+	Lắp đặt gương soi + khăn giấy	cái	4,00						
+	Lắp đặt lavabo + vòi rửa	bộ	4,00						
+	Lắp đặt tiểu treo nam	bộ	5,00						
+	Lắp đặt van ren, ĐK 15mm	cái	2,00						
+	Lắp đặt van ren, DK 20mm	cái	3,00						
+	Lắp đặt côn nhựa, ĐK 25x20mm	cái	1,00						
+	Lắp đặt côn nhựa, ĐK 110x60mm	cái	1,00						
+	Lắp đặt chậu xí bệt	bộ	6,00						
+	Hộp đựng giấy	cái	2,00						

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Mức tính (%)	Thành tiền (đồng) *(Làm tròn số)*			Tổng cộng (đồng)
						Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ	
+	Hộp tôn inox	cái	1,00						
+	Lắp đặt phễu thu sàn inox D 110mm	cái	2,00						
+	Lắp đặt vòi đồng D15	cái	3,00						
+	Lắp đặt bể nước Inox dung tích 2,0m3	bể	1,00						
+	Lắp đặt máy bơm chân không	máy	1,00						
+	Đào mương chôn ống đất C3	m3	113,75						
+	Lót cát đệm dày 50	m3	11,38						
+	Đắp đất tưới nước đầm chặt K>=0,85	m3	102,38						
+	Lát gạch Granito 300x300 hoàn trả vỉa hè VXM75	m2	227,50						
	Bể tự hoại								
+	Đào đất bể đất cấp 3	m3	18,89						
+	Lấp đất hố móng bằng 1/3 đất đào	m3	6,30						
+	BT đá 2x4 lót móng, rộng <=250cm, M100	m3	1,35						
+	Lát nền gạch đặc VXM50	m3	6,06						
+	Xây bể gạch đặc cao <=4m,VXM50	m3	4,97						
+	BT tấm đan đúc sẵn đá 1x2 M200	m3	0,88						
+	Cốt thép tấm đan	kg	92,10						
+	Bê tông dầm giằng đá 1x2 M200	m3	0,27						
+	Lắp cấu kiện BT thủ công trọng lượng<=100kg VXM75	cái	21,00						
+	Trát tường bể lần 1 dày 1,5cm VXM75	m2	26,18						
+	Trát bể lần 2 dày 1cm VXM75	m2	26,18						
+	Láng nền bể có đánh mầu, dầy 2cm VXM75	m2	6,31						
+	LĐ ống nhựa PVC, đk 200mm	m	1,00						
+	LĐ tê nhựa đk 100	cái	1,00						
+	Đổ lớp than củi vào bể lọc	m3	0,19						
+	Đổ lớp than xỉ vào bể lọc	m3	0,19						

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Mức tính (%)	Thành tiền (đồng) *(Làm tròn số)*			Tổng cộng (đồng)
						Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ	
+	Đổ 2 lớp gạch vỡ vào bể lọc	m3	0,38						
+	Đổ lớp cát mịn vào hố tự thấm	m3	0,33						
+	Đổ lớp cát thô vào hố tự thấm	m3	1,33						
+	Đổ lớp đá 1x2 vào hố tự thấm	m3	2,33						
+	Đổ lớp đá 4x6 vào hố tự thấm	m3	0,325						
+	Láng mặt trên đan không đánh mẫu, dày 3cm VXM75	m2	9,88						
2.4	***Hạng mục 2.5: Sửa chữa hạ tầng kỹ thuật hệ thống hàng rào tại khu kinh tế cửa khẩu Cha Lo***								
	Giá trị bồi thường theo hồ sơ dự toán do Công ty TNHH XD-TM An Nguyên lập, đã được Công ty TNHH TVXD Phúc Nhân thẩm tra, giá trị dự toán sau khi thẩm tra là **747.334.000 đồng**, trong đó:								
	Chi phí bồi thường cho Ban quản lý khu kinh tế tỉnh Quảng Trị, bao gồm:						**747.334.000**		
-	Chi phí xây dựng				100%		692.298.000		
-	Chi phí tư vấn xây dựng				100%		55.036.000		
	Các hạng mục tài sản bị ảnh hưởng, bao gồm:								
+	Tháo dỡ tấm đan	m	32,60						
+	Phá dỡ kết cấu bằng máy đào 1,25m3 gắn đầu búa thủy lực - Kết cấu bê tông	m3	41,18						
+	Vận chuyển phế thải trong phạm vi 1000m bằng ô tô - 5,0T (Ô tô vận tải thùng)	m3	45,17						
+	Vận chuyển phế thải tiếp 4000m bằng ô tô - 5,0T (Ô tô vận tải thùng)	m3	45,17						
+	Lắp đặt ống nhựa HDPE đường kính 315mm bằng phương pháp hàn gia nhiệt, chiều dày 15mm	m	32,60						
+	Lót lớp bạt trước khi đổ bê tông	m2	343,20						
+	Lắp dựng cốt thép rảnh, ĐK >10mm	kg	855,90						
+	Bê tông nền SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, M250, đá 2x4, PCB40	m3	63,05						
+	Cắt khe co giản	m	54,00						
+	Trám khe co giản bằng nhựa đường	m	54,00						

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Mức tính (%)	Thành tiền (đồng) *(Làm tròn số)*			Tổng cộng (đồng)
						Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ	
+	Đào móng bằng máy đào 0,4m3, chiều rộng móng ≤6m - Cấp đất III	m3	16,38						
+	Lấp đất hố móng	m3	5,46						
+	Bê tông lót móng SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, rộng ≤250cm, M150, đá 2x4	m3	2,34						
+	Xây móng bằng đá hộc - Chiều dày ≤60cm, vữa XM M75, PCB40	m3	9,36						
+	Bê tông xà dầm, giằng nhà SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, M200, đá 1x2, PCB40	m3	3,00						
+	Ván khuôn gỗ xà dầm, giằng	m2	27,30						
+	Lắp dựng cốt thép xà dầm, giằng, ĐK ≤10mm, chiều cao ≤6m	kg	59,62						
+	Lắp dựng cốt thép xà dầm, giằng, ĐK ≤18mm, chiều cao ≤6m	kg	152,70						
+	Lắp đặt bu long	cái	192,00						
+	Gia công cột hàng rào bằng thép	kg	725,39						
+	Lắp cột hàng rào thép các loại	kg	725,39						
+	SXLD hàng rào khung sắt fi5 theo mẫu hiện trạng	m2	292,46						
+	Sơn sắt thép bằng sơn các loại 1 nước lót + 2 nước phủ	1m2	42,62						
+	Gia công lan can bảo vệ	kg	689,10						
+	Lắp dựng lan can bảo vệ	m2	31,60						
+	Sơn sắt thép bằng sơn các loại 1 nước lót + 2 nước phủ	1m2	15,80						
+	Đào bóc lớp đất phong hóa mặt trên	1m3	7,500						
+	Vận chuyển đất đi đỗ bằng ô tô tự đỗ 5T, phạm vi <1000m	100m3	0,075						
+	Vận chuyển đất 4km tiếp theo bằng ô tô tự đỗ 5T, phạm vi <5km	100m3/ 1km	0,075						
3	***Bãi 3 - Bãi kiểm hóa phía nhập khẩu, bao gồm các hạng mục:*** *+ Hạng mục 3.1: Bãi đỗ xe xuất cảnh tại khu trung tâm cửa khẩu Quốc tế Cha Lo (GĐ1)* *+ Hạng mục 3.2: Bãi đỗ xe xuất cảnh tại khu trung tâm cửa khẩu Quốc tế Cha Lo (GĐ2)*					**0**	**8.742.757.000**	**0**	
3.1	***Hạng mục 3.1: Bãi đỗ xe xuất cảnh tại khu trung tâm cửa khẩu Quốc tế Cha Lo (GĐ1)***								

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Mức tính (%)	Thành tiền (đồng) *(Làm tròn số)*			Tổng cộng (đồng)
						Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ	
	Giá trị bồi thường theo hồ sơ dự toán do Công ty TNHH XD-TM An Nguyên lập, đã được Công ty TNHH TVXD Phúc Nhân thẩm tra, giá trị dự toán sau khi thẩm tra là **5.269.990.000 đồng**, trong đó:								
	Chi phí bồi thường cho Ban quản lý khu kinh tế tỉnh Quảng Trị, bao gồm:						**5.269.990.000**		
-	Chi phí xây dựng				100%		4.767.872.000		
-	Chi phí quản lý dự án				100%		126.677.000		
-	Chi phí tư vấn xây dựng				100%		344.912.000		
-	Chi phí khác				100%		30.529.000		
	Các hạng mục tài sản bị ảnh hưởng, bao gồm:								
	Gói thầu: Xây lắp công trình Giai đoạn 1.								
	Kết cấu mặt								
+	Mặt bằng BTXM M350 đá 1x2cm	m3	1.352,38						
+	Lót lớp giấy dầu	m2	11.269,84						
+	Móng lớp trên đá dăm 4x6 chèn đá dăm dày 8cm	m2	5.634,92						
+	Móng lớp dưới đá dăm TC 4x6 dày 10cm	m2	5.634,92						
+	Cắt khe co	m	835,40						
+	Làm khe dãn	m	83,46						
+	Làm khe dọc	m	1.139,17						
3.2	***Hạng mục 3.2: Bãi đỗ xe xuất cảnh tại khu trung tâm cửa khẩu Quốc tế Cha Lo (GĐ2)***								
	Giá trị bồi thường theo hồ sơ dự toán do Công ty TNHH XD-TM An Nguyên lập, đã được Công ty TNHH TVXD Phúc Nhân thẩm tra, giá trị dự toán sau khi thẩm tra là **3.472.767.000 đồng**, trong đó:								
	Chi phí bồi thường cho Ban quản lý khu kinh tế tỉnh Quảng Trị, bao gồm:						**3.472.767.000**		
-	Chi phí xây dựng				100%		3.142.062.000		
-	Chi phí quản lý dự án				100%		83.481.000		
-	Chi phí tư vấn xây dựng				100%		226.769.000		
-	Chi phí khác				100%		20.455.000		
	Các hạng mục tài sản bị ảnh hưởng, bao gồm:								
	Gói thầu: Xây lắp công trình Giai đoạn 2								

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Mức tính (%)	Thành tiền (đồng) *(Làm tròn số)*			Tổng cộng (đồng)
						Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ	
	Kết cấu mặt								
+	Mặt bằng BTXM M350 đá 1x2cm	m3	677,58						
+	Lót lớp giấy dầu	m2	5.646,50						
+	Móng lớp trên đá dăm 4x6 chèn đá dăm dày 8cm	m2	2.823,25						
+	Móng lớp dưới đá dăm TC 4x6 dày 10cm	m2	2.823,25						
+	Làm khe co	m	410,87						
+	Làm khe dãn	m	36,46						
+	Làm khe dọc	m	512,94						
	Nhà vệ sinh								
	Phần Xây lắp								
+	Đào móng cột, trụ rộng >1m, sâu <=1m, đất C3	m3	10,90						
+	Đào móng băng rộng <=3, sâu <=1m, đất C3	m3	13,49						
+	Bê tông sạn ngang VXM50	m3	2,42						
+	BT móng chiều rộng <= 250cm,đá 2x4 M200	m3	3,19						
+	Bê tông cột TD> 0,1m2, cao <=4m đá 1x2 M200	m3	0,58						
+	SXLD Cốt thép móng đk 6,8mm	kg	34,90						
+	SXLD Cốt thép móng đk <=10mm	kg	102,30						
+	SXLD Cốt thép móng đk <=18mm	kg	194,70						
+	Lót cát móng đá tưới nước đầm kỹ	m3	1,31						
+	Xây móng đá hộc, dày <=60cm, VXM75	m3	10,31						
+	Xây móng, ram dốc gạch chỉ dày <=33cm, VXM75	m3	0,99						
+	Lấp đất hố móng đầm kỹ	m3	8,13						
+	Bê tông cột TD<=0,1m2, cao <=4m đá 1x2 M200	m3	1,16						
+	SXLD Cốt thép cột, trụ đk 6,8mm, cao <=4m	kg	40,20						
+	SXLD Cốt thép cột, trụ đk <=18mm, cao <=4m	kg	126,80						
+	Bê tông xà dầm, giằng nhà đá 1x2 M200	m3	2,79						

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Mức tính (%)	Thành tiền (đồng) *(Làm tròn số)*			Tổng cộng (đồng)
						Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ	
+	SXLD Cốt thép xà dầm giằng đk 6,8mm, cao <=4m	kg	52,20						
+	SXLD Cốt thép xà dầm giằng đk <=18mm, cao <=4m	kg	269,30						
+	Bê tông sàn mái đá 1x2 M200	m3	5,62						
+	SXLD Cốt thép sàn mái đk 6,8mm, cao <=16m	kg	392,50						
+	SXLD Cốt thép sàn mái đk <=10mm, cao <=16m	kg	199,80						
+	BT lanh tô ôvăng đá 1x2 M200	m3	0,35						
+	Cốt thép lanh tô liền mái hắt máng nước đk6,8mm cao <=4m	kg	6,30						
+	Cốt thép lanh tô liền mái hắt máng nước dk<=10mm cao <=4m	kg	21,80						
+	Xây bậc cấp gạch chỉ dày <=33cm, VXM50	m3	2,36						
+	Xây tường ngoài viên câu ngang gạch đặc dày <=33cm, cao <=4m,VXM50	m3	11,61						
+	Xây tường trong gạch chỉ dày <=33cm, cao <=4m,VXM50	m3	6,948						
+	Xây tường gạch chỉ dày <=11cm, cao <=4m,VXM75	m3	1,47						
+	Lắp ống thoát nước mái fi 32 dài 250	cái	9,00						
+	LD cửa đi pa nô 2 cánh N3 không khuôn VXM75	m2	1,80						
+	Lắp dựng vách kính khung nhôm Đài Loan trong nhà VXM75	m2	4,77						
+	Vách ngăn bằng compact dày 18 và bộ phụ kiên Inoxx SUS 304	m2	31,12						
+	Tấm gốm định hình làm vách ngăn KT 500x1400	cái	5,00						
+	Sơn cửa kính 3 nước	m2	9,53						
+	Sơn cửa pa nô 3 nước	m2	3,60						
+	Đắp đất pha cát nền nhà tưới nước đầm kỹ	m3	11,58						
+	Bê tông sạn ngang VXM50	m3	4,01						
+	Lát nền, sàn gạch Ceramic 450x450mm VXM75	m2	36,88						
+	ốp tường gạch Ceramic 450x900mm VXM75	m2	60,46						
+	ốp gạch thẻ màu đỏ	m2	6,59						

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Mức tính (%)	Thành tiền (đồng) *(Làm tròn số)*			Tổng cộng (đồng)
						Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ	
+	ốp hoa gốm lấy sáng 300x300mm VXM75	m2	1,20						
+	Trát trần VXM75	m2	56,18						
+	Trát xà dầm VXM75	m2	13,93						
+	Trát trụ, cột dày 1,5cm VXM75	m2	8,58						
+	Trát sê nô, mái hắt, lam ngang VXM75	m2	5,41						
+	Trát keo XM vào cấu kiện BT	m2	84,10						
+	Láng 2 lớp VXM nguyên chất PC40 dầy 2cm VXM75	m2	56,18						
+	Quét nước xi măng 2 nước	m2	56,18						
+	Trát tường ngoài dày 1,5cm VXM75	m2	52,77						
+	Trát tường trong dày 1,5cm VXM75	m2	82,20						
+	Trát gờ chỉ VXM75	m2	112,66						
+	Tường kẻ roăng rộng 30, sâu 15 A300	m	170,24						
+	Láng nền sàn không đánh mầu, dày 2cm VXM75	m2	10,85						
+	Láng Granitô nền sàn	m2	3,24						
+	Láng Granitô cầu thang	m2	7,61						
+	Sơn tường ngoài nhà sơn DULUX (hoặc tương đương) 1 nước lót, 2 nước phủ	m2	52,77						
+	Sơn dầm trần, cột, tường trong nhà DULUX (hoặc tương đương)1 lót, 2 nước phủ	m2	166,30						
+	Lắp dựng dàn giáo ngoài, cao <=16m	m2	124,50						
+	Lắp dựng biểu tượng WC nam + nữ	cái	2,00						
+	Đắp đất mùn trồng hoa	m3	1,16						
+	Trồng cỏ nhật	m2	3,00						
+	Bảo dưỡng bồn hoa trong vòng 1 tháng	m2/tháng	3,00						
	Phần điện chiếu sáng và chống sét								
+	Cáp bọc CU/PVC/PVC 2x4mm2	m	139,00						
+	Lắp đặt cáp CU/PVC/PVC, 2x2,5mm2	m	3,00						

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Mức tính (%)	Thành tiền (đồng) *(Làm tròn số)*			Tổng cộng (đồng)
						Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ	
+	Lắp đặt cáp CU/PVC/PVC, 2x1,5mm2	m	90,00						
+	LĐ ống nhựa cách điện chống cháy, đk 20	m	30,00						
+	LĐ ống nhựa cách điện chống cháy, đk 32	m	40,00						
+	Lắp đặt loại đèn lốp trần D300	bộ	7,00						
+	LĐ quạt hút khu vệ sinh KT 300x300	cài	2,00						
+	Lắp đặt công tắc đèn loại 1 cực10A-220V+hộp âm tường	cài	5,00						
+	Lắp đặt ổ cắm đôi 2 cực 16A-220V +hộp âm tường	cài	1,00						
+	LĐ Aptomat loại 1 pha, 10Ampe dòng ngắn mạch 4,5KA	cài	1,00						
+	LĐ Aptomat loại 1 pha, 20Ampe,dòng ngắn mạch 4,5KA	cài	1,00						
+	LĐ Aptomat loại 1 pha, 25Ampe, dòng ngắn mạch 4,5KA	cài	1,00						
+	Lắp hộp điện âm tường cửa trong suốt chứa 14cực MCB	cài	1,00						
+	Đào xúc đất, đất C3	m3	53,90						
+	Đắp cát móng đường ống	m3	16,54						
+	Đắp đất đầm chặt cầu K>=0.85	m3	36,80						
+	Lát gạch thẻ bảo vệ đường ống	m2	24,50						
+	Băng cáp cảnh báo	m	123,00						
+	LĐ ống nhựa fi 32	m	130,00						
+	Mốc sứ cảnh báo cáp ngầm	cái	19,00						
	Phần cấp thoát nước								
+	LĐ ống nhựa PVC, đk 20mm	m	27,00						
+	LĐ ống nhựa PVC, đk 25mm	m	223,00						
+	LĐ ống nhựa PVC, dk 32mm	m	10,00						
+	LĐ ống nhựa PVC, dk 48mm	m	10,00						
+	LĐ ống nhựa PVC, dk 60mm	m	16,00						
+	LĐ ống nhựa PVC, đk 110mm	m	27,00						
+	LĐ cút nhựa PVC, đk 20	cái	20,00						

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Mức tính (%)	Thành tiền (đồng) *(Làm tròn số)*			Tổng cộng (đồng)
						Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ	
+	LĐ cút nhựa PVC, đk 25	cái	10,00						
+	LĐ cút nhựa PVC, dk 32	cái	4,00						
+	LĐ cút nhựa PVC, đk 48	cái	28,00						
+	LĐ cút nhựa PVC, dk 60	cái	6,00						
+	LĐ cút nhựa PVC, đk 110	cái	18,00						
+	LĐ tê nhựa PVC, đk 20	cái	11,00						
+	LĐ tê nhựa PVC D25	cái	10,00						
+	LĐ tê nhựa PVC D48	cái	5,00						
+	LĐ tê nhựa PVC D60x48	cái	2,00						
+	LĐ tê nhựa PVC D110x34	cái	2,00						
+	LĐ tê nhựa PVC D110x48	cái	3,00						
+	LĐ tê nhựa PVC D110	cái	5,00						
+	Lắp đặt gương soi Caesar M112 (hoặc tương đương)+ khăn giấy	cái	4,00						
+	Lắp đặt lavabo Inax GL-2396 (hoặc tương đương) + vòi rửa	bộ	4,00						
+	Lắp đặt tiểu treo nam T1, T9 Viglacera (hoặc tương đương)	bộ	5,00						
+	Lắp đặt van ren, đk 15	cái	2,00						
+	Lắp đặt van ren, đk 20	cái	5,00						
+	LĐ côn nhựa PVC, đk 25x20	cái	2,00						
+	LĐ côn nhựa PVC, dk 60x48	cái	1,00						
+	Lắp đặt chậu xí bệt VI38 Viglacera (hoặc tương đương)	bộ	7,00						
+	Lắp đặt phễu thu sàn Inox D110	cái	2,00						
+	Lắp đặt vòi đồng D15	cái	2,00						
+	Lắp đặt bể chứa nước inox ngang, dung tích 2,0m3 Tân Á (hoặc tương đương)	bể	1,00						
+	LĐ máy bơm chân không WILO PW-750E(hoặc tương đương)	bộ	1,00						
+	Đào mương chôn ống, đất cấp 3	m3	49,50						

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Mức tính (%)	Thành tiền (đồng) *(Làm tròn số)*			Tổng cộng (đồng)
						Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ	
+	Lót cát đệm dày 50	m3	4,95						
+	Đắp đất tưới nước đầm chặt, K>=0,85	m3	44,55						
+	Lát gạch granito 300x300 hoàn trả vỉa hè VXM75	m2	99,00						
	Bể tự hoại								
+	Đào đất bể đất cấp 3	m3	18,89						
+	Lấp đất hố móng	m3	6,30						
+	BTSN lót móng M100	m3	1,35						
+	Lát nền gạch đặc VXM50	m2	6,06						
+	Xây bể gạch đặc cao <=4m,VXM50	m3	4,97						
+	BT tấm đan đúc sẵn đá 1x2 M200	m3	0,88						
+	Cốt thép tấm đan	kg	92,10						
+	Bê tông dầm giằng đá 1x2 M200	m3	0,27						
+	Lắp cấu kiện BT thủ công trọng lượng<=100kg VXM75	cái	21,00						
+	Trát tường bể lần 1 dày 1,5cm VXM75	m2	26,18						
+	Trát bể lần 2 dày 1cm VXM75	m2	26,18						
+	Láng nền bể có đánh mầu, dầy 2cm VXM75	m2	6,31						
+	LĐ ống nhựa PVC, đk 200mm	m	1,00						
+	LĐ tê nhựa đk 100	cái	1,00						
+	Đổ lớp than củi vào bể lọc	m3	0,19						
+	Đổ lớp than xỉ vào bể lọc	m3	0,19						
+	Đổ 2 lớp gạch vỡ vào bể lọc	m3	0,38						
+	Đổ lớp cát mịn vào hố tự thấm	m3	0,33						
+	Đổ lớp cát thô vào hố tự thấm	m3	0,33						
+	Đổ lớp sỏi 1x2 vào hố tự thấm	m3	0,33						
+	Đỗ lớp sạn ngang vào hố tự thấm	m3	0,33						
+	Láng mặt trên đan không đánh màu dày 3cm VXM75	m2	9,88						

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Mức tính (%)	Thành tiền (đồng) *(Làm tròn số)*			Tổng cộng (đồng)
						Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ	
4	***Bãi 4 - Bãi kiểm hóa phía nhập khẩu, bao gồm các hạng mục:*** *+ Hạng mục 4.1: Hạ tầng kỹ thuật khu trung tâm cửa khẩu Quốc tế Cha Lo (GĐ1)* *+ Hạng mục 4.2: Hạ tầng khu phi thuế quan và các điểm dịch vụ Khu kinh tế cửa khẩu Cha Lo (GĐ 1)*					**0**	**9.686.930.000**	**0**	
4.1	***Hạng mục 4.1: Hạ tầng kỹ thuật khu trung tâm cửa khẩu Quốc tế Cha Lo (GĐ1)***								
	Giá trị bồi thường theo hồ sơ dự toán do Công ty TNHH XD-TM An Nguyên lập, đã được Công ty TNHH TVXD Phúc Nhân thẩm tra, giá trị dự toán sau khi thẩm tra là **732.649.000 đồng**, trong đó:								
	Chi phí bồi thường cho Ban quản lý khu kinh tế tỉnh Quảng Trị, bao gồm:						**732.649.000**		
-	Chi phí xây dựng				100%		659.507.000		
-	Chi phí quản lý dự án				100%		17.522.000		
-	Chi phí tư vấn xây dựng				100%		45.436.000		
-	Chi phí khác				100%		10.184.000		
	Các hạng mục tài sản bị ảnh hưởng, bao gồm:								
	Gói thầu: Xây dựng khu vực kho ngoại quan, chỉnh trang đô thị, cầu bản L= 21m và san nền một phần khu đất hành chính mới.								
+	Mua CPĐD loại II (*1.42 hệ số lu lèn)	m3	72,349						
+	Làm móng CPĐD dày 15cm	100m3	1,698						
+	Rãi giấy dầu lớp cách ly	100m2	11,322						
+	Bê tông sân bãi đỗ xe M250 đá 2x4, độ sụt 2-4cm	m3	230,050						
+	Cắt khe sân bê tông	10m	21,521						
4.2	***Hạng mục 4.2: Hạ tầng khu phi thuế quan và các điểm dịch vụ Khu kinh tế cửa khẩu Cha Lo (GĐ 1)***								
	Giá trị bồi thường theo hồ sơ dự toán do Công ty TNHH XD-TM An Nguyên lập, đã được Công ty TNHH TVXD Phúc Nhân thẩm tra, giá trị dự toán sau khi thẩm tra là **8.954.281.000 đồng**, trong đó:								
	Chi phí bồi thường cho Ban quản lý khu kinh tế tỉnh Quảng Trị, bao gồm:						**8.954.281.000**		
-	Chi phí xây dựng				100%		8.136.890.000		
-	Chi phí quản lý dự án				100%		216.188.000		
-	Chi phí tư vấn xây dựng				100%		513.311.000		
-	Chi phí khác				100%		87.892.000		
	Các hạng mục tài sản bị ảnh hưởng, bao gồm:								

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Mức tính (%)	Thành tiền (đồng) *(Làm tròn số)*			Tổng cộng (đồng)
						Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ	
	Gói thầu xây lắp số 1: Xây dựng bãi kho ngoại quan trung chuyển và bãi nhập dọc Quốc lộ 12A								
+	Mặt bằng BTXM M350 đá 1 x 2cm độ sụt 2:4cm	m3	2.065,19						
+	Lót 02 lớp giấy dầu	m2	9.387,24						
+	Móng lớp trên đá dăm 4 x6 chè đá dăm dày 8cm	m2	9.387,24						
+	Móng lớp dưới đá dăm TC 4x6 dày 10cm	m2	9.387,24						
+	Làm khe co, khe dọc	m	3.220,64						
+	Làm khe dãn	m	341,47						
+	Sản xuất thanh truyền lực khe co, khen giãn	Tấn	5,96						
+	Sản xuất thanh truyền lực khen dọc	Tấn	1,34						